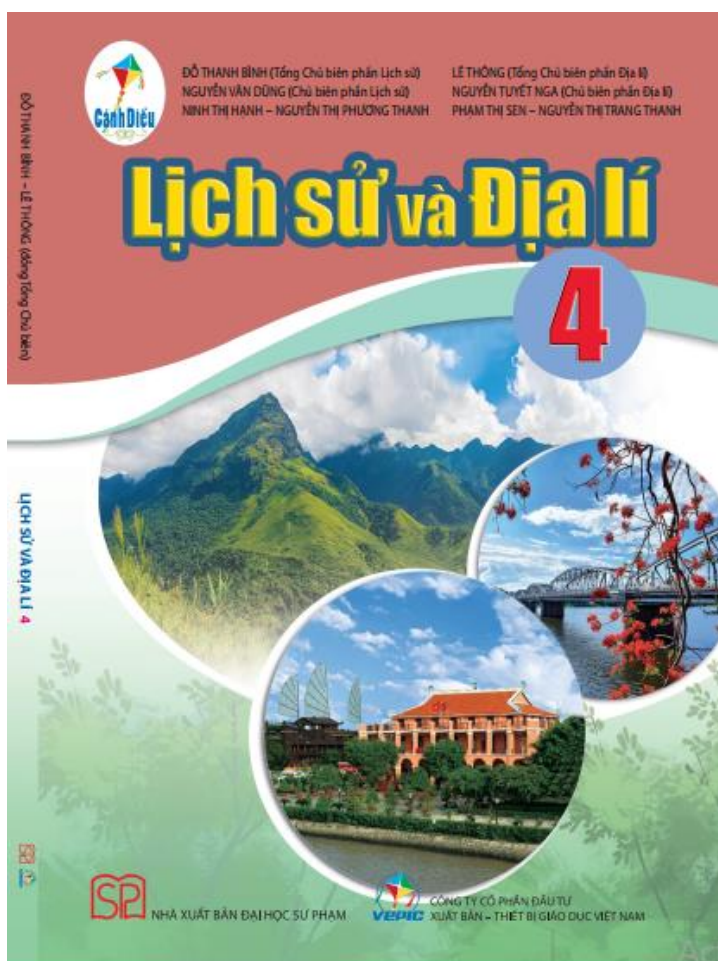


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

TÀI LIỆU TẬP HUẤN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
(BỘ SÁCH CÁNH DIỀU)



HÀ NỘI – 2023



MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4 – BỘ SÁCH CÁNH DIỀU	3
1. Mục đích biên soạn sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 4	3
2. Chương trình môn Lịch sử và Địa lí 4	3
3. Giới thiệu về sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 4	9
PHẦN II. TỔ CHỨC DẠY HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4 – BỘ SÁCH CÁNH DIỀU	19
1. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực	19
2. Một số phương pháp dạy học đặc thù môn học	20
3. Hướng dẫn tổ chức dạy học một số dạng bài và kế hoạch bài dạy minh họa	30
4. Gợi ý phân phối chương trình Lịch sử và Địa lí 4	45
PHẦN III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4 – BỘ SÁCH CÁNH DIỀU	47
1. Mục đích đánh giá	47
2. Nội dung đánh giá	47
3. Phương pháp đánh giá	47
4. Công cụ kiểm tra đánh giá	48
5. Hình thức đánh giá	52
PHẦN IV. GIỚI THIỆU VỀ HỆ THỐNG TÀI LIỆU THAM KHẢO, HỖ TRỢ	61
1. Sách giáo viên	61
2. Sách bài tập	62
3. Nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử	63
PHẦN V. KẾ HOẠCH BÀI DẠY THAM KHẢO	65



PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4 – BỘ SÁCH CÁNH DIỀU

1. Mục đích biên soạn sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 4

Mục đích biên soạn sách giáo khoa (SGK) nhằm cung cấp cho học sinh tài liệu chính, thiết yếu với hệ thống kiến thức, kỹ năng cơ bản, khoa học, toàn diện để từ đó hình thành các phẩm chất, năng lực phù hợp. SGK còn là tài liệu quan trọng cho giáo viên khai thác để tổ chức các hoạt động dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh.

2. Chương trình môn Lịch sử và Địa lí 4

SGK Lịch sử và Địa lí 4 được biên soạn trên cơ sở tuân thủ và cụ thể hoá Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí (cấp Tiểu học) theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đó là:

2.1. Đặc điểm môn học

Lịch sử và Địa lí ở cấp tiểu học là môn học bắt buộc, được tổ chức dạy và học ở lớp 4 và lớp 5. Môn học được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát triển từ môn Tự nhiên và Xã hội các lớp 1, 2, 3. Chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học gồm các mạch kiến thức và kỹ năng cơ bản, thiết yếu về địa lí, lịch sử của địa phương, vùng miền, đất nước Việt Nam, các nước láng giềng và một số nét cơ bản về địa lí, lịch sử thế giới.

2.2. Quan điểm cốt lõi xây dựng chương trình

– Chương trình môn Lịch sử và Địa lí tích hợp nội dung giáo dục lịch sử, địa lí và một số nội dung văn hoá, xã hội trong các kết nối về không gian và thời gian; tích hợp nội dung bảo vệ môi trường, giáo dục giá trị nhân văn.

– Chương trình được thiết kế theo phạm vi mở rộng dần về không gian địa lí và không gian xã hội, từ địa lí, lịch sử của địa phương, vùng miền, đất nước Việt Nam đến địa lí, lịch sử của các nước láng giềng, khu vực và thế giới.

– Chương trình môn Lịch sử và Địa lí chọn lọc những kiến thức cơ bản và sơ giản về tự nhiên, dân cư, một số hoạt động kinh tế, lịch sử, văn hoá của các vùng miền, đất nước Việt Nam và thế giới; các sự kiện, nhân vật lịch sử phản ánh những dấu mốc lớn của quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

– Chương trình lựa chọn những nội dung thiết thực đối với việc hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh thông qua phương pháp tổ chức các hoạt động học tập tích cực như: tìm hiểu các vấn đề lịch sử và địa lí, luyện tập và thực hành (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống).

– Chương trình được thiết kế theo hướng mở, linh hoạt để có thể điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội của các địa phương; phù hợp với khả năng của giáo viên, với các nhóm đối tượng học sinh khác nhau và thực tiễn dạy học ở nhà trường, song vẫn bảo đảm trình độ chung của giáo dục phổ thông trên cả nước, tiếp cận dần với trình độ khu vực và thế giới.

2.3. Mục tiêu chương trình

Môn Lịch sử và Địa lí ở cấp tiểu học hình thành, phát triển ở học sinh năng lực lịch sử và địa lí với các thành phần: nhận thức khoa học lịch sử và địa lí; tìm hiểu lịch sử và địa lí; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học; đồng thời góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Môn Lịch sử và Địa lí ở cấp tiểu học giúp học sinh khám phá thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh để bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; ý thức bảo vệ thiên nhiên, giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá Việt Nam; tôn trọng sự khác biệt về văn hoá giữa các quốc gia và dân tộc, từ đó góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

2.4. Yêu cầu cần đạt của chương trình

Yêu cầu cần đạt về các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học góp phần hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Môn Lịch sử và Địa lí hình thành và phát triển ở học sinh năng lực lịch sử và địa lí, biểu hiện đặc thù của năng lực khoa học với các thành phần: nhận thức khoa học lịch sử và địa lí; tìm hiểu lịch sử và địa lí; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Biểu hiện của các thành phần năng lực này được trình bày trong bảng sau:

Bảng thể hiện biểu hiện của năng lực sử và địa lí ở cấp Tiểu học

Thành phần năng lực	Biểu hiện
Nhận thức khoa học lịch sử và địa lí	– Kể, nêu, nhận biết được các hiện tượng địa lí, sự kiện lịch sử diễn ra trong cuộc sống theo mối quan hệ không gian – thời gian; một số giá trị, truyền thống kết nối con người Việt Nam; một số nền văn minh; một số vấn đề khó khăn mà nhân loại đang phải đối mặt. – Trình bày, mô tả được một số nét chính về lịch sử và địa lí của địa phương, vùng miền, đất nước, thế giới. – Nêu được cách thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên.
Tìm hiểu lịch sử và địa lí	– Biết quan sát, tra cứu tài liệu để tìm thông tin hoặc thực hiện điều tra ở mức độ đơn giản để tìm hiểu về các sự kiện lịch sử và hiện tượng địa lí; biết đọc lược đồ, biểu đồ, bản đồ tự nhiên, dân cư,... ở mức đơn giản. – Từ những nguồn tư liệu, số liệu, biểu đồ, lược đồ, bản đồ,... nêu được nhận xét về đặc điểm và mối quan hệ giữa các sự kiện lịch sử và các đối tượng, hiện tượng địa lí. – Trình bày được ý kiến của mình về một số sự kiện, nhân vật lịch sử và hiện tượng địa lí,... – So sánh, nhận xét, phân biệt được sự đa dạng về tự nhiên, dân cư, lịch sử, văn hoá ở một số vùng miền; nhận xét được tác động của thiên nhiên đến hoạt động sản xuất của con người và tác động của con người đến tự nhiên.
Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	– Xác định được vị trí của một địa điểm, một phạm vi không gian trên bản đồ; sử dụng được đường thời gian để biểu diễn tiến trình phát triển của sự kiện, quá trình lịch sử. – Sử dụng được biểu đồ, số liệu,... để nhận xét về một số sự kiện lịch sử, hiện tượng địa lí.

	– Biết sưu tầm và sử dụng các nguồn tư liệu lịch sử và địa lí để thảo luận và trình bày quan điểm về một số vấn đề lịch sử, địa lí, xã hội đơn giản. – Vận dụng được kiến thức lịch sử và địa lí đã học để phân tích và nhận xét ở mức độ đơn giản tác động của một sự kiện, nhân vật lịch sử và hiện tượng địa lí,... đối với cuộc sống hiện tại. – Đề xuất được ý tưởng và thực hiện được một số hành động như: sử dụng tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá,...
--	--

2.4. Nội dung chương trình

Các bài học trong SGK Lịch sử và Địa lí 4 được lựa chọn, sắp xếp dựa trên các mạch nội dung, chủ đề và yêu cầu cần đạt đã được xác định trong chương trình.

Mạch nội dung	Chủ đề
Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí	Giới thiệu các phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí Cách sử dụng một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí
Địa phương em (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)	Thiên nhiên và con người địa phương Lịch sử và văn hoá truyền thống địa phương
Trung du và miền núi Bắc Bộ	Thiên nhiên Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá Đền Hùng và lễ giỗ Tổ Hùng Vương
Đồng bằng Bắc Bộ	Thiên nhiên Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá Sông Hồng và văn minh sông Hồng Thăng Long – Hà Nội Văn Miếu – Quốc Tử Giám

Duyên hải miền Trung	Thiên nhiên Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá Cố đô Huế Phố cổ Hội An
Tây Nguyên	Thiên nhiên Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá Lễ hội Cồng Chiêng Tây Nguyên
Nam Bộ	Thiên nhiên Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá Thành phố Hồ Chí Minh Địa đạo Củ Chi

2.5. Định hướng chung về phương pháp giáo dục

Đề cao vai trò chủ thể học tập của học sinh, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo; tập trung rèn luyện năng lực tự học, bồi dưỡng phương pháp học tập để học sinh có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng nhận thức; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể. Kết hợp các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại,...) với phương pháp dạy học tích cực (thảo luận, tranh luận, đóng vai, dự án,...). Chú trọng các phương pháp dạy học có tính đặc thù cho môn học.

Sử dụng hợp lý và hiệu quả các thiết bị, đồ dùng dạy học trong đó chú trọng các loại hình: mô hình, hiện vật, tranh ảnh, video clip; bản đồ, lược đồ, sơ đồ, các bảng thống kê, phần mềm dạy học,... Giáo viên cần lưu ý: thiết bị, đồ dùng dạy học không chỉ sử dụng để minh họa cho nội dung bài học, mà chính là phương tiện để học sinh khai thác tri thức và có tác dụng kích thích học sinh học tập tích cực và sáng tạo.

2.6. Các yêu cầu về đánh giá kết quả giáo dục

Khi đánh giá kết quả học tập của học sinh cần bảo đảm các yêu cầu sau:

- Mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp

ứng yêu cầu cần đạt của chương trình và sự tiến bộ của học sinh để hướng dẫn, điều chỉnh hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh.

– Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong Chương trình tổng thể và chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học.

– Đánh giá kiến thức (sự hiểu biết của học sinh về lịch sử, địa lí của địa phương, vùng miền Việt Nam); tăng cường đánh giá các kĩ năng của học sinh (làm việc với bản đồ, lược đồ, sơ đồ, biểu đồ, bảng số liệu, tranh ảnh; quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hoá thông tin,...); chú trọng đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng của học sinh trong những tình huống cụ thể.

– Sử dụng các hình thức đánh giá khác nhau: đánh giá qua bài viết; đánh giá qua vấn đáp, thuyết trình; đánh giá qua quan sát các hoạt động học tập, đánh giá qua sản phẩm học tập, hồ sơ học tập,...

– Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì; giữa đánh giá định tính và định lượng; giữa đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của học sinh, đánh giá của cha mẹ học sinh và đánh giá của cộng đồng.

2.7. Giải thích và hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình môn Lịch sử và Địa lí không tách thành hai phân môn riêng biệt. Các kiến thức lịch sử và địa lí được tích hợp trong các chủ đề và được mở rộng về không gian địa lí và xã hội (bắt đầu từ địa phương, vùng miền đến đất nước và thế giới). Logic này bảo đảm khi hoàn thành chương trình môn học ở cấp tiểu học, học sinh sẽ có kiến thức ban đầu về lịch sử và địa lí của địa phương, vùng miền, đất nước và thế giới để học tiếp môn Lịch sử và Địa lí ở cấp trung học cơ sở. Khi dạy học, giáo viên cần chú ý liên hệ nội dung bài học với những nét đặc thù, tiêu biểu của lịch sử, địa lí ở địa phương.

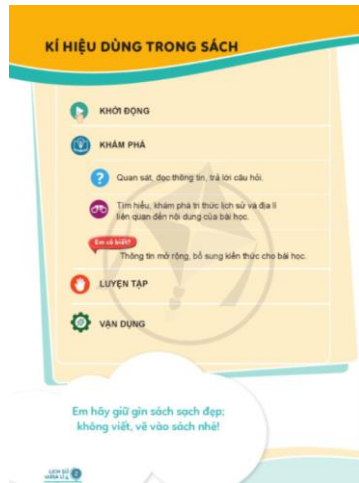
Nội dung môn Lịch sử và Địa lí tập trung lựa chọn “điểm”. Kiến thức lịch sử được lựa chọn không tuân thủ nghiêm ngặt tính lịch đại mà phản ánh những sự kiện, nhân vật lịch sử tiêu biểu cho một số vùng miền, một số giai đoạn lịch sử. Đối với địa lí, các vùng được lựa chọn không chỉ dựa trên nét tương đồng về tự nhiên mà còn dựa trên vai trò lịch sử của vùng đất đó; mỗi vùng chỉ lựa chọn giới thiệu một số đặc điểm địa lí tiêu biểu, đặc trưng.

3. Giới thiệu về sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 4

3.1. Cấu trúc sách

Cấu trúc sách gồm ba phần: phần đầu, phần thân và phần cuối.

– **Phần đầu** có Kí hiệu dùng trong sách, Lời nói đầu và Mục lục.



MỤC LỤC	
KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH	2
LỜI NÓI ĐẦU	3
Bài 1. Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí	5
Bài 2. Địa phương em (Định, thành phố, huyện, thị trấn)	10
VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ	14
Bài 3. Thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	14
Bài 4. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	19
Bài 5. Dân chúng và lễ hội Hùng Vương	25
VÙNG ĐỒNG BANG BẮC BỘ	30
Bài 6. Thiên nhiên vùng đồng bằng Bắc Bộ	30
Bài 7. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá ở vùng đồng bằng Bắc Bộ	35
Bài 8. Sông Hồng và văn minh sông Hồng	42
Bài 9. Thăng Long – Hà Nội	46
Bài 10. Văn Miếu – Quốc Tử Giám	52
ÔN TẬP HỌC KÌ I	56
VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG	58
Bài 11. Thiên nhiên vùng Duyên hải miền Trung	58
Bài 12. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá ở vùng Duyên hải miền Trung	63
Bài 13. Cố đô Huế	70
Bài 14. Phố cổ Hội An	76
VÙNG TÂY NGUYÊN	81
Bài 15. Thiên nhiên vùng Tây Nguyên	81
Bài 16. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá ở vùng Tây Nguyên	86
Bài 17. Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên	92
VÙNG NAM BỘ	94
Bài 18. Thiên nhiên vùng Nam Bộ	94
Bài 19. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá ở vùng Nam Bộ	98
Bài 20. Thành phố Hồ Chí Minh	107
Bài 21. Địa đạo Củ Chi	113
ÔN TẬP CUỐI NĂM	117
BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ	119

– **Phần thân** gồm 21 bài học, phù hợp với các mạch nội dung đã được xác định trong Chương trình, đó là: Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí; Địa phương em; Các vùng của Việt Nam (Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng Bắc Bộ, Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Nam Bộ). Ngoài ra, còn có 2 bài ôn tập: ôn tập học kì 1 và ôn tập cuối năm.

ÔN TẬP HỌC KÌ I

1. a) Hãy giới thiệu một số nét tiêu biểu về địa phương em theo gợi ý dưới đây:

- Tên địa phương em là gì?
- Địa phương em tiếp giáp với những tỉnh, thành phố nào?
- Thiên nhiên ở địa phương em có đặc điểm gì nổi bật?
- Địa phương em có những hoạt động kinh tế chủ yếu nào?
- Giới thiệu nét văn hoá đặc sắc ở địa phương em.
- Kể về một danh nhân tiêu biểu ở địa phương em.

b) Hãy nêu một điều em thích và một điều em còn băn khoăn về môi trường ở địa phương mình. Tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra biện pháp khắc phục tình trạng môi trường đó.

2. a) Hãy cho biết em đã được học về những vùng nào dưới đây:

Vùng	Trung du và miền núi Bắc Bộ	Đồng bằng Bắc Bộ	Vùng Duyên hải miền Trung	Vùng Tây Nguyên	Vùng Nam Bộ
Đặc điểm	?	?	?	?	?
Vị trí địa lí	?	?	?	?	?
Thiên nhiên	?	?	?	?	?
Dân cư	?	?	?	?	?
Hoạt động sản xuất	?	?	?	?	?
Một số nét văn hoá	?	?	?	?	?
Nhân vật hoặc sự kiện lịch sử	?	?	?	?	?

b) Hoàn thành bảng giới thiệu tóm tắt về các vùng em đã học theo gợi ý dưới đây vào vở:

Đặc điểm	Vùng	?	?
Vị trí địa lí	?	?	?
Thiên nhiên	?	?	?
Dân cư	?	?	?
Hoạt động sản xuất	?	?	?
Một số nét văn hoá	?	?	?
Nhân vật hoặc sự kiện lịch sử	?	?	?

c) Hãy giải thích tại sao có sự khác biệt về hoạt động sản xuất của hai vùng trên.

ÔN TẬP CUỐI NĂM

1. Quan sát hình 1, em hãy cho biết tương ứng với các số 1, 2, 3, 4, 5 là những vùng nào của nước ta.

2. Em hãy sắp xếp các từ khóa vào bảng dưới đây sao cho phù hợp với mỗi vùng và ghi kết quả vào vở.

Từ khóa:

- Nhân vật lịch sử: Đinh Núp, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Cánh, Nguyễn Thị Định, N Trạng Long, Trương Định, Hoàng Diệu.
- Di tích lịch sử: Hội quán Phúc Kiến, chùa Thiền Mu, Dinh Độc Lập, Chùa Cầu, Bến cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, Nhà cổ Phùng Hưng, làng Khôi Đình, Văn Miếu – Quốc Tử Giám, lăng Tự Đức, Thăng Long từ trấn.

Hình 1. Lược đồ các vùng của Việt Nam

Lễ hội: lễ hội Lồng Tồng, lễ hội Hùng Vương, lễ hội chùa Hương, Hội Lim, lễ hội Cầu Ngang, lễ hội Ka-tê, lễ hội Cồng chiêng, lễ hội Đua voi.

Vùng	Trung du và miền núi Bắc Bộ	Đồng bằng Bắc Bộ	Duyên hải miền Trung	Tây Nguyên	Nam Bộ
Từ khóa	?	?	?	?	?

– **Phần cuối** là Bảng giải thích thuật ngữ, giải nghĩa một số thuật ngữ khó đối với học sinh lớp 4.

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ		
	THUẬT NGỮ	TRANG
B	Bếp Hoàng Cầm là loại bếp do chiến sĩ nổi quân Hoàng Cầm tạo ra. Bếp được thiết kế có khả năng làm tan băng khi khí nấu, tránh bị máy bay địch phát hiện từ trên cao công như ở gần.	114, 115
	Cảng là một nơi nằm ở bờ sông hay biển có các công trình xây dựng và các thiết bị phục vụ cho việc neo, đậu tàu, thuyền; bốc dỡ hàng hoá, ... hoặc nơi đón, đưa hành khách đi lại bằng đường thủy.	57, 61, 63, 66, 107, 109, 110, 111, 117
C	Cố đô là thủ đô từ thời xưa.	70, 71, 72, 73, 74, 75
	Danh lam thắng cảnh là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ, khoa học.	46, 66
D	Danh nhân là người có tài, đức nổi tiếng được xã hội thừa nhận và nhân dân truyền tụng.	10, 13, 56, 73
	Di sản thiên nhiên thế giới là di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh tiêu biểu của một quốc gia có giá trị nổi bật toàn cầu về thiên nhiên được UNESCO ghi vào Danh mục Di sản thế giới.	60, 61, 67
D	Di sản văn hoá thế giới là di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh tiêu biểu của một quốc gia có giá trị nổi bật toàn cầu về văn hoá được UNESCO ghi vào Danh mục Di sản thế giới.	63, 66, 67, 70
	Di tích lịch sử – văn hoá là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học.	39, 46, 51, 66
D	Đảo là phần đất có nước bao quanh mọi phía (ở giữa đại dương, biển, hồ hoặc sông).	10, 14, 58, 61
	Đầm phá là vùng nước tương đối nông ở ven bờ biển, ngăn cách với biển bởi các dải cát, dune cát, ... và có cửa thông ra biển.	60, 61, 118
D	Đê là công trình xây đắp bằng đất, đá, ... dọc bờ sông hoặc bờ biển để ngăn không cho nước tràn vào đồng ruộng và khu dân cư.	30, 31, 33, 35, 38, 39, 41
	Địa đạo là đường hầm bí mật, đào sâu dưới lòng đất.	57, 111, 113, 114, 115, 116, 117
	Đồng khởi là phong trào đồng loạt đứng lên khởi nghĩa ở miền Nam Việt Nam chống sự kìm kẹp của Mỹ và chính quyền tay sai trong giai đoạn 1959 – 1960.	105

H	Hoạt động kinh tế là các hoạt động sử dụng máy móc, thiết bị, nhà xưởng, lao động, nguyên liệu, ... nhằm tạo ra những sản phẩm hay dịch vụ thoả mãn nhu cầu của con người.	10, 11, 56, 63, 64, 66
	Hội quán là nơi sinh hoạt tín ngưỡng, hội họp của những người Trung Hoa cùng quê hương đang định cư ở nước ngoài.	75, 77, 78, 117
M	Mật độ dân số là số dân trung bình sinh sống trên một đơn vị diện tích lãnh thổ (đơn vị: người/km ²).	19, 20, 35, 36, 66, 67
	Kháng chiến là hoạt động chiến đấu chống quân xâm lược, bảo vệ độc lập, tự chủ.	60, 104, 113, 114, 115
K	Khi tiết là ý chí kiên cường trong việc bảo vệ giá trị và danh dự của mình.	49
	Khởi nghĩa là hoạt động đấu tranh vũ trang nhằm lật đổ ách thống trị, áp bức.	49, 74, 90
L	Lưu vực là vùng đất cung cấp các loại nước cho một con sông.	42, 43
Q	Quần đảo là một tập hợp nhiều đảo ở gần nhau trong một khu vực nhất định.	58
T	Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là một đơn vị hành chính đặt dưới sự quản lý của Trung ương.	10, 35, 58
	Trung du là nơi chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng.	14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 86
T	Trung tâm công nghiệp là một khu vực tập trung công nghiệp gần liền với các đô thị vừa và lớn. Mỗi trung tâm công nghiệp có nhiều ngành công nghiệp khác nhau.	36, 100
	Tù trưởng là người đứng đầu, thủ lĩnh của một bộ lạc hoặc liên minh bộ lạc.	90
	Tuân tiết là tự tử để bảo toàn giá trị và danh dự của mình.	49
V	Vườn quốc gia là một khu vực đất hay biển được bảo tồn bằng các quy định pháp luật của chính quyền sở tại. Vườn quốc gia được bảo vệ nghiêm ngặt khỏi sự khai thác, can thiệp bởi con người.	34
	Văn minh là trình độ phát triển đạt đến một mức nhất định của xã hội loài người có nền văn hoá vật chất và tinh thần với những đặc trưng riêng.	42, 43, 80
X	Xuất khẩu là việc bán hàng hoá, dịch vụ ra thị trường nước ngoài.	87, 101, 102

3.2. Cấu trúc bài học

Cấu trúc mỗi bài học bao gồm một chuỗi các hoạt động học tập của HS. Các hoạt động được sắp xếp theo thứ tự bảo đảm tiến trình bài học chặt chẽ, bao gồm: khởi động, khám phá, luyện tập, vận dụng.

– **Khởi động:** nêu vấn đề, kích thích tư duy, tạo hứng thú để kết nối vào bài mới.

– **Khám phá:** là phần trọng tâm của bài học, có các hoạt động sau:

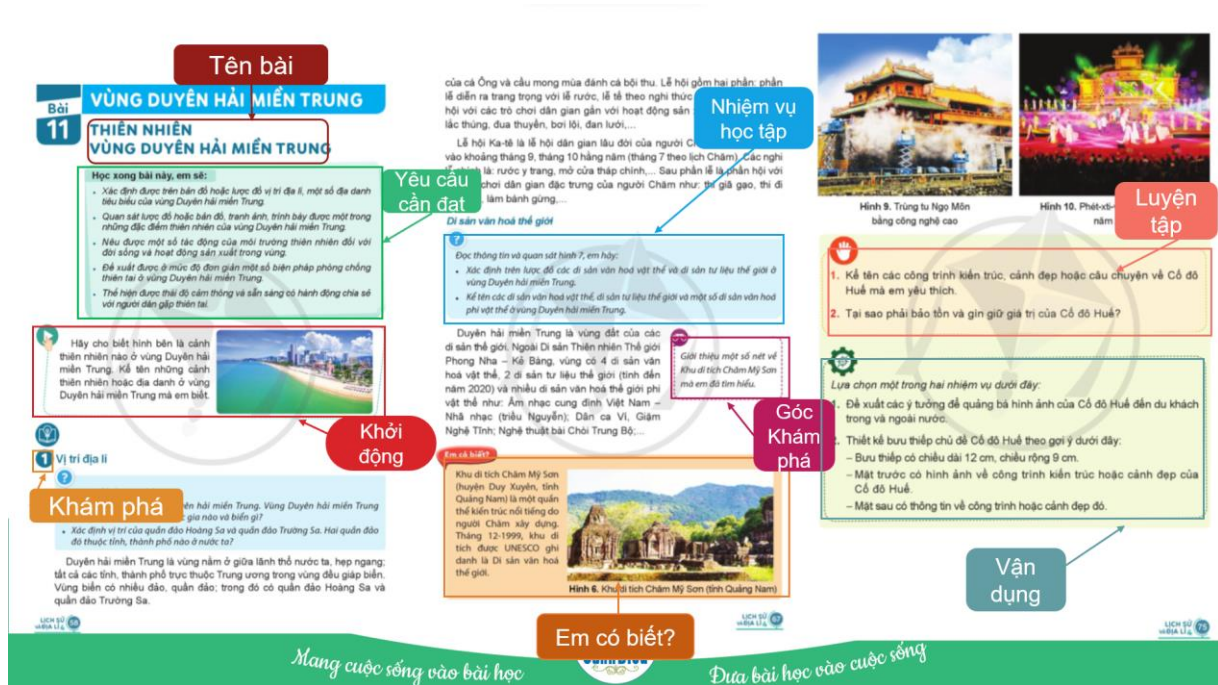
+ Hoạt động quan sát, đọc thông tin và trả lời câu hỏi. Các câu hỏi bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình, giúp học sinh khai thác thông tin trong bài học và thực hiện các hoạt động dưới sự hướng dẫn của giáo viên để hình thành kiến thức, kỹ năng mới.

+ Hoạt động tìm hiểu, khám phá tri thức lịch sử và địa lí liên quan đến nội dung của bài học. Hoạt động này nhằm đáp ứng sự phân hoá của học sinh về năng lực và sở thích. Vì vậy, không bắt buộc với mọi học sinh.

Ở nhiều bài học có mục “Em có biết?” giúp học sinh mở rộng hiểu biết về các kiến thức liên quan; tạo hứng thú, động lực học tập cho các em.

– **Luyện tập:** củng cố, hệ thống và khái quát kiến thức, kỹ năng đã học thông qua các câu hỏi, bài tập, trò chơi phong phú.

– **Vận dụng:** tạo điều kiện cho học sinh vận dụng sáng tạo kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ học tập hoặc giải quyết tình huống gắn liền với thực tiễn cuộc sống.



3.3. Những điểm mới của sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 4

3.3.1. Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 4 được thiết kế theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực

Điểm mới quan trọng nhất của SGK *Lịch sử và Địa lí 4* là chuyển từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học.

Thông qua các kiến thức, kỹ năng cơ bản, thiết yếu về lịch sử, địa lí của địa phương, các vùng miền đất nước, cùng với việc sử dụng các tư liệu, hình ảnh cụ thể, học sinh bước đầu hình thành được lòng tự hào dân tộc; tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; ý thức bảo vệ thiên nhiên, giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá Việt Nam; tôn trọng sự khác biệt về văn hoá giữa dân tộc,... từ đó góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu đã được quy định trong Chương trình tổng thể.

Các bài học trong SGK đã đưa ra các câu hỏi, bài tập cũng như các tình huống yêu cầu HS phải giải quyết để từ đó góp phần hình thành năng lực tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Ngoài ra, việc thiết kế các hoạt động học tập đa dạng, đòi hỏi học sinh phải trao đổi, thảo luận để tạo ra những sản phẩm cụ thể giúp HS phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác.

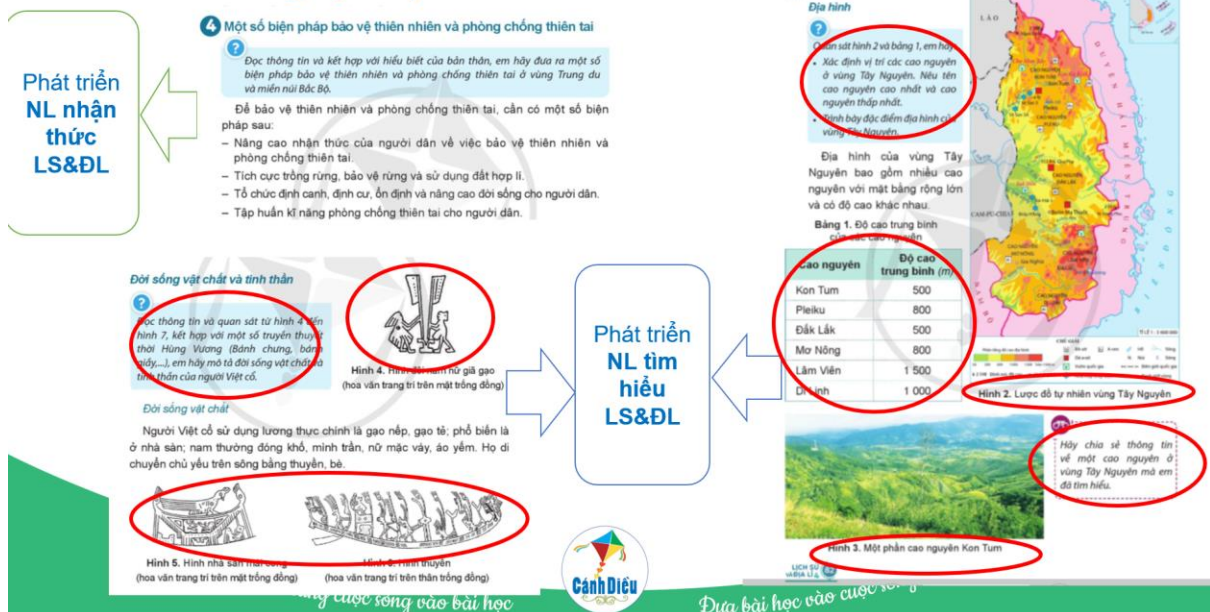
Phát triển phẩm chất, năng lực chung



Việc hình thành và phát triển năng lực đặc thù môn học là điểm nhấn trung tâm trong SGK và được triển khai nhất quán trong các bài học. Năng lực đặc thù môn học bao gồm ba thành phần: nhận thức khoa học lịch sử và địa lí, tìm hiểu lịch sử và địa lí, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Để hình thành được năng lực, cần phải có kiến thức, kĩ năng. Từ hệ thống kiến thức cơ bản về lịch sử, địa lí của địa phương, các vùng miền đất nước trong SGK cùng với các kĩ năng, HS dần dần hình thành năng lực ở các mức độ từ thấp đến cao.

Phát triển năng lực đặc thù



Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Dựa vào đặc điểm khí hậu của vùng Đồng bằng Bắc Bộ, theo em, người dân nơi đây trồng những loại rau gì vào mùa đông? Vì sao?
2. Địa phương em đã làm gì để khắc phục tình trạng ô nhiễm nguồn nước và đất?

Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Sưu tầm tư liệu và giới thiệu về một công trình kiến trúc nổi tiếng của Hội An mà em yêu thích.
2. Thiết kế “Sổ tay hướng dẫn du lịch văn minh ở phố cổ Hội An” dành cho học sinh, trong đó có các lưu ý về giữ gìn môi trường và bảo vệ di sản.

Mang cuộc sống vào bài học



Đưa bài học vào cuộc sống

3.3.2. Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 4 chú trọng yêu cầu tích hợp, phân hoá

Tích hợp được thể hiện ở nhiều mức độ và hình thức khác nhau. Đó là:

– Tích hợp nhuần nhuyễn trong toàn bộ môn học.

Tích hợp nhuần nhuyễn trong toàn bộ môn học



MỤC LỤC

KIẾN THỨC VÀ KỸ NĂNG	7	VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG	98
CƠ SỞ SỬ	3	ĐUYÊN HẢI MIỀN TRUNG	98
Bài 1. Liên quan với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí	6	Bài 15. Thiên nhiên vùng Tây Nguyên	101
Bài 2. Địa phương em (Định hướng phát triển Trung ương)	10	Bài 16. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá ở vùng Duyên hải miền Trung	106
VÙNG TRUNG ƯƠNG VÀ MIỀN BẮC BẮC BỘ	14	Bài 17. Lễ hội Cổ Loa	107
Bài 3. Thiên nhiên vùng Trung Ương và miền Bắc Bắc Bộ	14	Bài 18. Thiên nhiên vùng Tây Nguyên	111
Bài 4. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá ở vùng Trung Ương và miền Bắc Bắc Bộ	19	Bài 19. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá ở vùng Tây Nguyên	116
Bài 5. Dân cư và lễ hội Hùng Vương	25	Bài 20. Thiên nhiên vùng Nam Bộ	121
VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ	39	Bài 21. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá ở vùng Nam Bộ	127
Bài 6. Thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ	39	Bài 22. Thiên nhiên vùng Bắc Bộ	133
Bài 7. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ	39	Bài 23. Thiên nhiên vùng Bắc Bộ	133
Bài 8. Sông Hồng và văn minh sông Hồng	42	Bài 24. Thiên nhiên vùng Bắc Bộ	133
Bài 9. Thăng Long – Hà Nội	46	Bài 25. Thiên nhiên vùng Bắc Bộ	133
Bài 10. Văn Miếu – Quốc Tử Giám	52	ÔN TẬP CUỐI NĂM	117
ÔN TẬP HỌC KÌ I	56	BẢNG GIÁ THỰC THUẬT HỌC	118







Tích hợp nhuần nhuyễn trong một bài học

- Tích hợp lồng ghép các nội dung giáo dục liên quan (như bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai, giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục tôn trọng sự khác biệt về văn hoá giữa các dân tộc,...).

Tích hợp lồng ghép các nội dung giáo dục: bảo vệ môi trường, di tích lịch sử,...

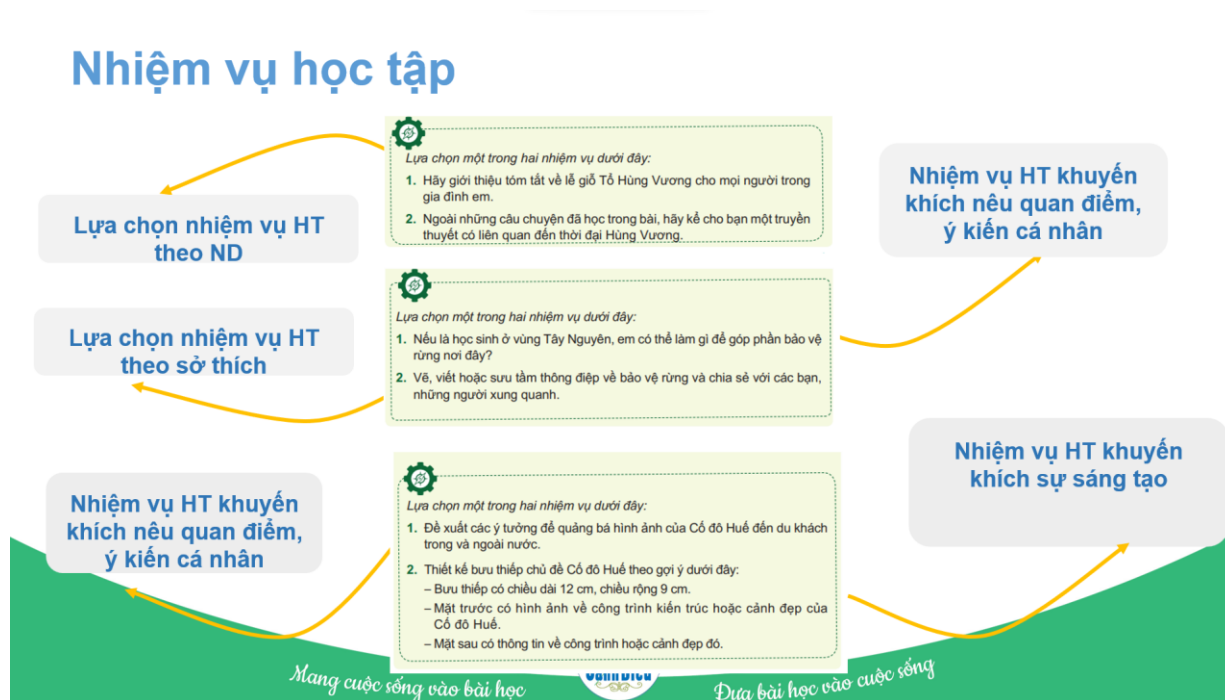
14

Phân hoá trong dạy học là một yêu cầu được chú ý khi thiết kế sách để đảm bảo sự khác biệt của học sinh về trình độ, phong cách, sở thích,...

– Với bài học về thiên nhiên của mỗi vùng miền, HS có thể chọn 1 yếu tố tự nhiên của vùng hay chọn hơn 1 yếu tố tự nhiên để tìm hiểu; Ở hoạt động Vận dụng cuối nhiều bài học thường đưa ra hai nhiệm vụ để học sinh có cơ hội lựa chọn. Ví dụ: Bài 2, có hai nhiệm vụ: 1/ Suu tầm bài hát, câu thơ, ca dao, tục ngữ về thiên nhiên, con người ở địa phương em, 2/ Vẽ một bức tranh về phong cảnh nơi em sống.

– Trong những bài có lô gô Tìm hiểu, khám phá tri thức, lịch sử, địa lí liên quan đến nội dung của bài học là hoạt động không bắt buộc với mọi học sinh.

– Trong SGK các nhiệm vụ, câu hỏi, bài tập đa dạng, được biên soạn theo hướng mở để đáp ứng sự khác biệt của HS.

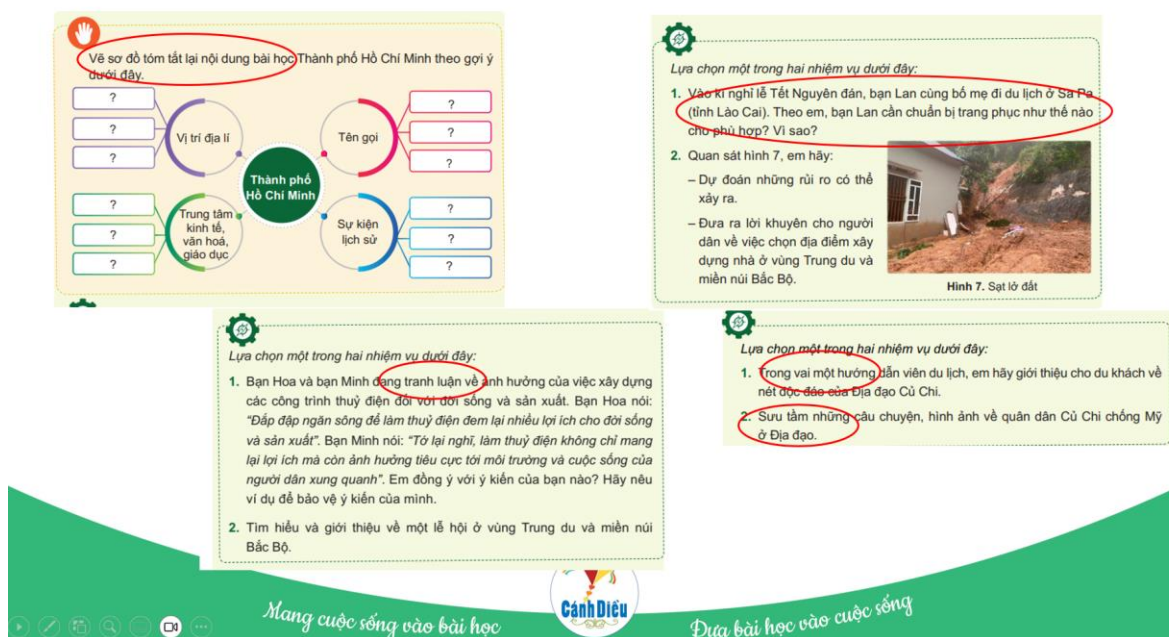


3.3.3. Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 4 tạo điều kiện cho giáo viên đổi mới phương pháp và hình thức dạy học

Hệ thống kiến thức cơ bản được chọn lọc, tư liệu học tập phong phú, kết hợp với kênh hình đa dạng, đẹp và các câu hỏi, bài tập, tình huống học tập cụ thể góp phần tạo điều kiện cho giáo viên đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động dạy học phù hợp với nội dung bài học và trình độ học sinh.

Mỗi bài học thường có các câu hỏi, bài tập, tình huống, dẫn dắt học sinh khám phá, luyện tập và vận dụng kiến thức, kĩ năng mới hoặc nhiệm vụ học tập để học sinh tự tìm kiếm thông tin theo năng lực và sở thích,... nhằm tăng cường tính chủ động, sáng tạo của học sinh trong quá trình học tập.

Bên cạnh những phương pháp dạy học truyền thống, trong SGK thể hiện rõ nét các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực như: sơ đồ tư duy, tranh biện, giải quyết vấn đề, đóng vai, sưu tầm tư liệu,...



Vẽ sơ đồ tóm tắt lại nội dung bài học Thành phố Hồ Chí Minh theo gợi ý dưới đây:

- Vị trí địa lí
- Tên gọi
- Trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục
- Sự kiện lịch sử

Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

- Vào kì nghỉ lễ Tết Nguyên đán, bạn Lan cùng bố mẹ đi du lịch ở Sa Pa (tỉnh Lào Cai). Theo em, bạn Lan cần chuẩn bị trang phục như thế nào cho phù hợp? Vì sao?
- Quan sát hình 7, em hãy:
 - Dự đoán những rủi ro có thể xảy ra.
 - Đưa ra lời khuyên cho người dân về việc chọn địa điểm xây dựng nhà ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Hình 7. Sạt lở đất

Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

- Bạn Hoa và bạn Minh đang tranh luận về ảnh hưởng của việc xây dựng các công trình thủy điện đối với đời sống và sản xuất. Bạn Hoa nói: "Đập đập ngăn sông để làm thủy điện đem lại nhiều lợi ích cho đời sống và sản xuất". Bạn Minh nói: "Tờ lại nghĩ, làm thủy điện không chỉ mang lại lợi ích mà còn ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường và cuộc sống của người dân xung quanh". Em đồng ý với ý kiến của bạn nào? Hãy nêu ví dụ để bảo vệ ý kiến của mình.
- Tìm hiểu và giới thiệu về một lễ hội ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

- Trong vai một hướng dẫn viên du lịch, em hãy giới thiệu cho du khách về nét độc đáo của Địa đạo Củ Chi.
- Sưu tầm những câu chuyện, hình ảnh về quân dân Củ Chi chống Mỹ ở Địa đạo.

Mang cuộc sống vào bài học | Cánh Diều | Đưa bài học vào cuộc sống

3.3.4. Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 4 hỗ trợ việc đổi mới về đánh giá kết quả giáo dục

Đối với SGK Lịch sử và Địa lí 4, bên cạnh kênh chữ còn có kênh hình (bản đồ, lược đồ, biểu đồ, bảng số liệu, sơ đồ, tranh ảnh,...) giúp cho giáo viên có thể đổi mới đánh giá. Ngoài việc đánh giá kiến thức, giáo viên còn đánh giá kĩ năng của học sinh thông qua khai thác kênh hình, xử lí và hệ thống hoá thông tin, đặc biệt là đánh giá năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào những tình huống cụ thể.

Dựa vào các bài học trong SGK Lịch sử và Địa lí 4, giáo viên có thể đánh giá thông qua đánh giá quá trình (thường xuyên), đánh giá tổng kết (định kì) và đa dạng hoá các hình thức kiểm tra, đánh giá (ví dụ như thông qua sản phẩm, bài viết, thuyết trình, quan sát,...).

4. Hỗ trợ đổi mới việc kiểm tra đánh giá

2. Hoạt động sản xuất Sản xuất công nghiệp

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy:

- Kể tên một số ngành công nghiệp ở vùng Nam Bộ và nêu sự phân bố của chúng.
- Giải thích vì sao Nam Bộ trở thành vùng sản xuất công nghiệp lớn nhất nước ta.

Hình 2. Lược đồ công nghiệp vùng Nam Bộ

ÔN TẬP CUỐI NĂM

1. Quan sát hình 1, em hãy cho biết vùng sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam có những vùng nào và nêu đặc điểm của từng vùng.

2. Em hãy vẽ một sơ đồ tư duy về vùng sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam.

3. Hãy cho biết đặc điểm thiên nhiên ở cấp A và hoạt động sản xuất ở cấp B, C, D.

4. Em hãy vẽ một sơ đồ tư duy về vùng sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam.

5. Em hãy vẽ một sơ đồ tư duy về vùng sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam.

6. Em hãy vẽ một sơ đồ tư duy về vùng sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam.

7. Em hãy vẽ một sơ đồ tư duy về vùng sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam.

8. Em hãy vẽ một sơ đồ tư duy về vùng sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam.

9. Em hãy vẽ một sơ đồ tư duy về vùng sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam.

10. Em hãy vẽ một sơ đồ tư duy về vùng sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam.

- KTĐG kỹ năng

- Tự KTĐG

- KTĐG năng lực

- KTĐG qua sản phẩm học tập

3.3.5. Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 4 đổi mới về cách trình bày và hình thức

Sách không trình bày nội dung theo từng tiết mà trình bày theo chủ đề với số tiết phù hợp (từ 2 đến 4 tiết), giúp giáo viên linh hoạt, sáng tạo tổ chức dạy học phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện thực tiễn của nhà trường, địa phương. Ngoài ra, việc thiết kế theo chủ đề còn tạo cơ hội cho HS thuận lợi vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề học tập hoặc vấn đề của cuộc sống.

Hình thức của SGK có nhiều ưu thế vượt trội so với các SGK hiện hành. Điều này thể hiện rất rõ ở cả kênh chữ, kênh hình và cấu trúc sách.

Hài hoà giữa kênh chữ và kênh hình

2. Một số nét chính về lịch sử Thăng Long – Hà Nội

Thăng Long từ xưa

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy cho biết và nêu gọi là "Thăng Long từ xưa".

Ở thời gian của Thành Thăng Long có bốn ngôi đền được gọi là "Thăng Long tứ trấn", đó là đền Bạch Mã (bên phía đông), đền Văn Phụng (bên phía tây), đền Kim Lân (bên phía nam), đền Quán Thánh (bên phía bắc).

Hình 2. Bốn đền trấn

Hình 3. Đền Văn Phụng

Hình 4. Đền Kim Lân

Hình 5. Đền Quán Thánh

Trong bốn ngôi đền trấn, bốn ngôi đền thờ các vị thần linh Thăng Long.

Sự tích Hồ Gươm

Đọc thông tin và quan sát hình 6, em hãy cho biết và nêu gọi là "Sự tích Hồ Gươm".

Hồ Gươm nằm ở trung tâm của Thủ đô Hà Nội. Hồ Gươm cùng với Tháp Rùa, cầu Thê Húc, đền Ngọc Sơn tạo thành một quần thể lịch sử – văn hóa nổi tiếng của Thủ đô Hà Nội.

Sản xuất muối

Đọc thông tin và quan sát hình 4, em hãy:

- Kể tên một số hoạt động sản xuất muối ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Nêu hoạt động sản xuất muối ở vùng Duyên hải miền Trung.

Sản xuất muối đã có từ lâu đời ở vùng Duyên hải miền Trung. Các cảnh đồng muối nổi tiếng là: Sa Huỳnh (tỉnh Quảng Ngãi); Hòn Khói (tỉnh Khánh Hòa); Cà Ná, Phương Cựu (tỉnh Ninh Thuận).

Hình 4. Hoạt động sản xuất muối ở vùng Duyên hải miền Trung

Du lịch biển

Đọc thông tin và quan sát hình 5, em hãy:

- Kể tên một số bãi biển ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Nêu một số hoạt động du lịch biển ở vùng Duyên hải miền Trung.

Ở vùng Duyên hải miền Trung có nhiều bãi biển đẹp, thu hút du khách. Một số bãi biển nổi tiếng là: Bãi biển Lăng Cô (tỉnh Thừa Thiên Huế); Bãi biển Thuận An (tỉnh Thừa Thiên Huế); Bãi biển Lăng Cô (tỉnh Thừa Thiên Huế); Bãi biển Thuận An (tỉnh Thừa Thiên Huế).

1. Quan sát các hình 4, 5, 6, hãy chỉ vị trí tương ứng của các địa điểm này trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.

Hình 4. Một phần dãy Hoàng Liên Sơn (tỉnh Lào Cai)

Hình 5. Một phần dãy Hoàng Liên Sơn (tỉnh Lào Cai)

Hình 6. Một phần dãy Hoàng Liên Sơn (tỉnh Lào Cai)

2. Lựa chọn một địa điểm thiên nhiên (địa hình, khí hậu hoặc sông ngòi) ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ để hoàn thành sơ đồ theo gợi ý dưới đây:

Đặc điểm thiên nhiên

Ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất

Biện pháp khắc phục

Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Vào kì nghỉ lễ Tết Nguyên Đán, bạn Lan cũng bố mẹ đi du lịch ở Sa Pa (tỉnh Lào Cai). Theo em, bạn Lan cần chuẩn bị trang phục như thế nào cho phù hợp? Vì sao?

2. Quan sát hình 7, em hãy:

- Dự đoán những rủi ro có thể xảy ra.
- Đưa ra lời khuyên cho người dân về việc chọn địa điểm xây dựng nhà ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Hình 7. Sơ đồ địa hình



PHẦN II. TỔ CHỨC DẠY HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4 – BỘ SÁCH CÁNH DIỀU

1. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực

1.1. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung của học sinh

Thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập, giáo viên giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu như: yêu quý thiên nhiên, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường xung quanh, yêu quý cộng đồng, yêu quê hương, quý trọng lịch sử và văn hoá dân tộc Việt Nam, tôn trọng sự khác biệt về văn hoá giữa các dân tộc Việt Nam.

Giáo viên tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động học tập nhằm góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung đã được xác định trong Chương trình tổng thể, cụ thể:

– Đối với năng lực tự chủ và tự học: Khuyến khích và tạo điều kiện cho học sinh tự mình thực hiện những nhiệm vụ được phân công khi học tập, tham quan; biết đặt ra các câu hỏi đơn giản, tự tìm kiếm và phân tích nguồn thông tin, trả lời câu hỏi về lịch sử và địa lí.

– Đối với năng lực giao tiếp và hợp tác: Khuyến khích và hướng dẫn học sinh tự tin, diễn đạt rõ ràng ý kiến của mình; làm việc theo nhóm, chia sẻ suy nghĩ, lắng nghe ý kiến của người khác, cùng nhau xây dựng ý tưởng trong quá trình học tập các vấn đề về lịch sử và địa lí.

– Đối với năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Khuyến khích và hướng dẫn học sinh phát hiện một số vấn đề trong cuộc sống xung quanh, đặt câu hỏi, tìm thông tin, thực hiện các thao tác phân tích, tổng hợp, giải thích, so sánh,... trong giải quyết vấn đề; đưa ra ý kiến, nhận xét, bình luận theo các cách khác nhau về các vấn đề địa lí và lịch sử trong cuộc sống xung quanh.

1.2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển năng lực lịch sử và địa lí

GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát kênh hình, làm việc với các phương tiện trực quan như bản đồ, video clip,... hoặc thực hiện điều tra ở mức độ đơn giản để tìm hiểu về sự vật, hiện tượng địa lí, nhân vật, sự kiện lịch sử của địa phương và các vùng miền của Việt Nam. Từ đó, các em trình bày, mô tả một số nét chính về lịch sử và địa lí của địa phương, vùng miền Việt Nam; nhận xét ở mức độ đơn giản mối quan hệ giữa các sự kiện lịch sử, giữa các yếu tố tự nhiên và giữa con người và môi trường tự nhiên.

GV khuyến khích và tạo điều kiện cho HS được vận dụng kiến thức lịch sử và địa lí đã học để nhận xét và phân tích ở mức độ đơn giản tác động của một sự kiện, nhân vật lịch sử và hiện tượng địa lí,... đối với cuộc sống hiện tại cũng như đề xuất ý tưởng và thực hiện được một số hành động bảo vệ môi trường thiên nhiên, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá,... của địa phương và các vùng miền Việt Nam.

2. Một số phương pháp dạy học đặc thù môn học

2.1. Phương pháp kể chuyện

2.1.1. Khái niệm/ bản chất

Phương pháp kể chuyện là phương pháp dùng lời nói trình bày câu chuyện có yếu tố sự thật về một nhân vật lịch sử, một sự kiện lịch sử, một phát minh hay một vùng đất,... một cách sinh động, hình ảnh và kịch tính, qua đó hình thành biểu tượng, truyền cảm hứng cho HS.

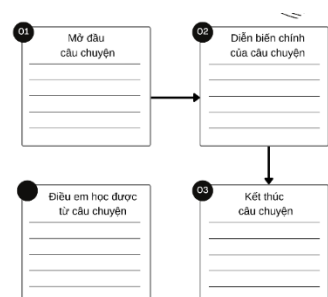
Phương pháp kể chuyện giúp mở rộng trí tưởng tượng và phát triển năng lực sáng tạo của HS. Ba loại truyện chủ yếu được sử dụng trong dạy học gồm: (1) Truyện có thật, (2) Cổ tích, (3) Truyền thuyết.

2.1.2. Quy trình thực hiện

Để sử dụng hiệu quả phương pháp kể chuyện, GV có thể thực hiện theo quy trình dưới đây:

– Bước 1: GV giới thiệu khái quát về nhân vật hoặc sự kiện lịch sử trong câu chuyện, nêu câu hỏi hoặc nhiệm vụ định hướng để HS tìm hiểu câu chuyện.

GV có thể tham khảo các câu hỏi gợi ý hoặc phiếu học tập để giúp HS tìm hiểu câu chuyện:

Câu hỏi	Phiếu hướng dẫn kể chuyện
1. (Các) Nhân vật chính trong câu chuyện là ai?	 <pre> graph TD A[01. Mở đầu câu chuyện] --> B[02. Diễn biến chính của câu chuyện] B --> C[03. Kết thúc câu chuyện] D[Điều em học được từ câu chuyện] </pre>
2. Câu chuyện diễn ra trong bối cảnh nào?	
3. Nhân vật chính gặp tình huống nào và đã giải quyết tình huống ra sao?	

4. Em học được điều gì từ câu chuyện/nhân vật trong câu chuyện?

– Bước 2: HS tìm hiểu câu chuyện và thực hiện nhiệm vụ được giao.

GV tổ chức linh hoạt để HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm (4 – 6 HS), theo cặp đôi hoặc cá nhân. GV cần theo sát quá trình HS hoạt động để có thể hỗ trợ, giải đáp kịp thời những khó khăn, vướng mắc của HS, giúp HS hoàn thành nhiệm vụ đúng thời gian quy định.

– Bước 3: Tổ chức cho HS kể chuyện trước lớp.

GV mời đại diện HS hoặc nhóm HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ và kể lại câu chuyện bằng ngôn ngữ của mình, có thể kết hợp sử dụng tranh ảnh, tư liệu lịch sử, bản đồ, lược đồ,...). Những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu có).

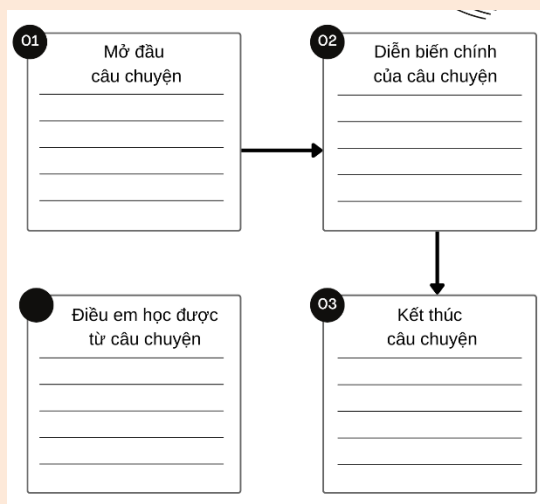
– Bước 4: Nhận xét và tổng kết.

GV nhận xét, tuyên dương HS và tổng kết trọng tâm của bài học được rút ra từ câu chuyện.

2.1.3. Ví dụ minh họa

Câu chuyện Hoàng Diệu chống thực dân Pháp (trang 49, Bài 9. Thăng Long – Hà Nội, SGK môn *Lịch sử và Địa lí lớp 4* – Bộ sách Cánh Diều)

Bước 1: GV giới thiệu khái quát về nhân vật Hoàng Diệu và hướng dẫn HS tìm hiểu và kể lại câu chuyện theo gợi ý.



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm trong thời gian 10 phút.

Bước 3: Đại diện các nhóm lên kể lại câu chuyện. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét và tổng kết:

– *Mở đầu câu chuyện*: Thực dân Pháp đem tàu chiến đến thành Hà Nội và hàng ngày khiêu khích.

– *Diễn biến chính của câu chuyện*:

+ Thực dân Pháp yêu cầu Hoàng Diệu phải đầu hàng.

+ Hoàng Diệu và quân sĩ đã chiến đấu quyết liệt.

– *Kết thúc câu chuyện*

+ Trước sức tấn công của quân Pháp, thành Hà Nội thất thủ. Hoàng Diệu đã tuần tiết.

– *Điều HS có thể học được từ câu chuyện*: tình thần chiến đấu anh dũng của Hoàng Diệu và quân sĩ...

2.2. Phương pháp sử dụng tranh ảnh

2.2.1. Khái niệm/ bản chất

Tranh ảnh là nguồn tri thức quan trọng, trực quan và dễ sử dụng đối với GV và HS. Phương pháp sử dụng tranh ảnh là phương pháp, trong đó GV dựa trên việc trình bày và hướng dẫn HS khai thác thông tin bằng tranh ảnh, để giúp HS có được kiến thức, kỹ năng của môn học.

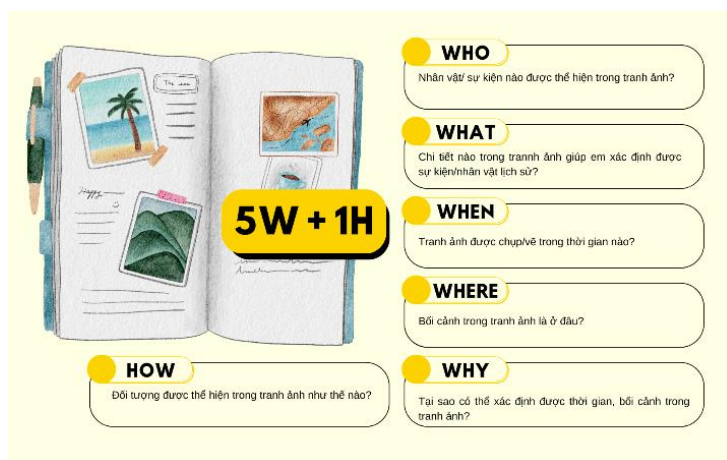
2.2.2. Quy trình thực hiện

Để sử dụng tranh ảnh trong dạy học hiệu quả GV có thể triển khai theo quy trình dưới đây:

– Bước 1: GV giới thiệu khái quát giúp HS hiểu bối cảnh lịch sử của tranh ảnh được sử dụng và nêu nhiệm vụ định hướng để HS khai thác tranh ảnh.

– Bước 2: HS quan sát tranh ảnh và hoàn thành nhiệm vụ. HS có thể làm việc cá nhân, theo cặp hoặc theo nhóm. Ở bước này, GV có thể sử dụng các kỹ thuật như 5W1H hoặc See – Think – Wonder (S – T – W) để giao nhiệm vụ cho HS.

5W1H



WHO
Nhân vật sự kiện nào được thể hiện trong tranh ảnh?

WHAT
Chi tiết nào trong tranh ảnh giúp em xác định được sự kiện/nhân vật lịch sử?

WHEN
Tranh ảnh được chụp/vẽ trong thời gian nào?

WHERE
Bối cảnh trong tranh ảnh là ở đâu?

WHY
Tại sao có thể xác định được thời gian, bối cảnh trong tranh ảnh?

HOW
Đối tượng được thể hiện trong tranh ảnh như thế nào?

S – T – W

SEE	Khi quan sát tranh ảnh, em nhìn thấy những gì?
GV hướng dẫn HS quan sát kỹ và nêu tất cả những gì nhìn thấy trong tranh ảnh từ hành động, trang phục, hình dáng của các nhân vật, đồ vật, cây cối, con vật,...	
THINK	Khi quan sát tranh ảnh, em có suy nghĩ gì?
GV hướng dẫn HS nhận xét, rút ra kết luận về đặc điểm của các sự vật, hiện tượng, tìm ra mối liên hệ giữa các sự vật hoặc hiện tượng được đề cập trong tranh ảnh,...	
WONDER	Khi quan sát tranh ảnh, em có băn khoăn gì?
GV hướng dẫn HS nêu tất cả những câu hỏi, băn khoăn về đối tượng trong tranh ảnh.	

Lưu ý, khi sử dụng kỹ thuật 5W1H với mỗi tranh ảnh khác nhau GV có thể linh hoạt, không bắt buộc phải sử dụng tất cả các câu hỏi. Với kỹ thuật S – T – W, GV không nên đánh giá đúng sai mà khuyến khích HS nêu tất cả những gì HS quan sát, suy nghĩ và băn khoăn.

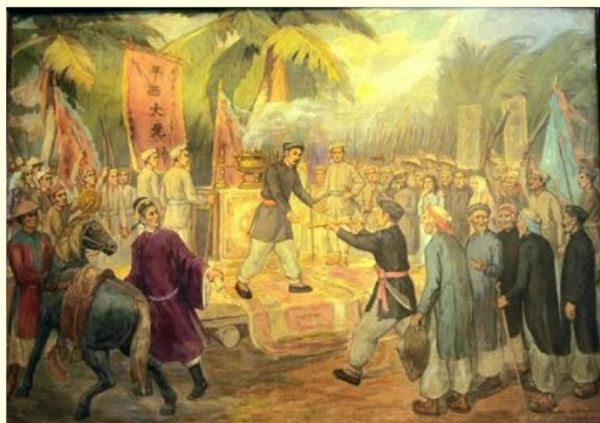
– Bước 3: Đại diện HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.

– Bước 4: GV nhận xét và tổng kết.

2.2.3. Ví dụ minh họa

Sử dụng hình 8. Nhân dân Gò Công suy tôn Trương Định làm Bình Tây đại nguyên soái (tranh vẽ trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia (trang 104, Bài 19. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá ở vùng Nam Bộ, SGK môn *Lịch sử và Địa lí lớp 4* – Bộ sách Cánh Diều).

Bước 1: GV giới thiệu khái quát về bối cảnh lịch sử nhân dân Gò Công suy tôn Trương Định làm Bình Tây đại nguyên soái và nhiệm vụ định hướng để HS khai thác tranh ảnh.



Hình 8. Nhân dân Gò Công suy tôn Trương Định làm Bình Tây đại nguyên soái (tranh vẽ trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia), SGK tr.104

SEE

Khi quan sát tranh, em nhìn thấy những gì?

THINK

Khi quan sát tranh, em có suy nghĩ gì?

WONDER

Khi quan sát tranh, em có băn khoăn gì?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 10 phút.

Bước 3: Lần lượt HS nêu ý kiến. Ý kiến của HS sau không trùng với ý kiến đã nêu trước.

Bước 4: GV nhận xét và tổng kết:

– Gợi ý hướng dẫn HS thực hiện kỹ thuật See – Think – Wonder

* *See*: (HS nêu tất cả những gì quan sát được trong tranh từ hành động, trang phục, hình dáng của các nhân vật, đồ, vật, cây cối, con vật,...): nhân vật ở trung tâm bức tranh, nhân vật bên trái, bên phải tranh, lực lượng đông đảo phía sau tranh cầm vũ khí, lá cờ, cây dừa,...

** Think: (HS nhận xét, rút ra kết luận về đặc điểm của các sự vật, hiện tượng, tìm ra mối liên hệ giữa các sự vật hoặc hiện tượng được đề cập trong tranh,... dựa trên việc quan sát ở bước 1).*

+ Nhân vật trung tâm bức tranh là Trương Định; nhóm nhân vật lớn tuổi bên phải bức tranh là đại diện của nhân dân; nhân vật bên trái tranh là quan, lính đại diện của triều đình, lực lượng nhân dân đông đảo ở phía sau,...

+ Lá cờ lớn màu đỏ có ghi chữ: Bình Tây đại nguyên soái

+ Vũ khí của người dân thô sơ

+ Sự kiện diễn ra ở một địa điểm nhiều cây dừa – đặc trưng của miền Tây...

** Wonder: (HS nêu tất cả những băn khoăn, thắc mắc khi quan sát tranh)*

+ Tại sao Trương Định đứng về phía nhân dân?

+ Tại sao Trương Định không mặc trang phục “đại nguyên soái”,...

GV tổng kết: Trương Định chọn đứng về phía nhân dân tiếp tục chống Pháp.

2.3. Phương pháp sử dụng bản đồ/ lược đồ

Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ bề mặt Trái Đất hoặc một bộ phận của bề mặt Trái Đất trên mặt phẳng dựa vào các phương pháp toán học, phương pháp biểu hiện bằng kí hiệu để thể hiện các thông tin cần thiết về lịch sử hoặc địa lí.

Trong trường hợp không yêu cầu tính chính xác cao và nội dung cũng cần giản lược thì người ta dùng lược đồ.

2.3.1. Khái niệm/ bản chất

Phương pháp sử dụng bản đồ/ lược đồ là phương pháp, trong đó GV tổ chức cho HS vận dụng những hiểu biết về bản đồ/ lược đồ để tìm được vị trí địa lí, một số đặc điểm của đối tượng lịch sử hoặc địa lí cũng như phát hiện ra mối quan hệ giữa các đối tượng trên bản đồ/ lược đồ.

2.3.2. Quy trình thực hiện

Giáo viên hướng dẫn HS thực hiện các bước sau khi làm việc với bản đồ/lược đồ.

Bước 1: Đọc tên bản đồ/lược đồ và nắm được mục đích làm việc với bản đồ/lược đồ.

Bước 2: Xem bảng chú giải để biết đối tượng thể hiện trên bản đồ/ lược đồ.

Bước 3: Tìm đối tượng lịch sử hoặc địa lí trên bản đồ/lược đồ dựa vào kí hiệu và màu sắc.

Bước 4: Quan sát đối tượng trên bản đồ/lược đồ, nhận xét và nêu đặc điểm đơn giản của đối tượng.

Bước 5: Xác lập mối quan hệ đơn giản giữa các yếu tố và các thành phần như địa hình và khí hậu; địa hình, khí hậu, sông ngòi; thiên nhiên và hoạt động sản xuất của con người,... trên cơ sở HS biết kết hợp những kiến thức bản đồ và kiến thức môn học để so sánh và phân tích.

Một số lưu ý

– Đối với HS tiểu học, không bắt buộc áp dụng bước thứ 5 trong quá trình tổ chức cho HS khai thác kiến thức từ bản đồ.

– GV nên soạn một hệ thống câu hỏi dựa trên bản đồ và trình độ HS để dẫn dắt HS tự khám phá kiến thức.

2.3.3. Ví dụ minh họa

Sử dụng lược đồ tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (trang 15, Bài 3 SGK môn *Lịch sử và Địa lí lớp 4* – Bộ sách Cánh Diều)

Bước 1: Xác định vị trí địa lí, một số địa danh tiêu biểu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; nhận xét một số đặc điểm địa hình của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Bước 2: Xem bảng chú giải, biết đường màu đỏ thể hiện ranh giới vùng; biết màu sắc khác nhau thể hiện phân tầng độ cao địa hình.

Bước 3: Quan sát lược đồ tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Trung du và miền núi Bắc Bộ tiếp giáp với những vùng nào? quốc gia nào?

Câu 2. Dựa vào màu sắc trên lược đồ, cho biết vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có những dạng địa hình nào? Dạng địa hình nào là chủ yếu?

Câu 3. Kể tên một số dãy núi và cao nguyên ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Bước 4: HS nhận xét:

– Về vị trí địa lí: vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nằm ở phía bắc nước ta. Bên cạnh phần đất liền rộng lớn, vùng này còn có biển ở phía đông nam;

– Về đặc điểm địa hình: có nhiều dạng địa hình khác nhau: núi, đồi, cao nguyên, đồng bằng. Trong đó, đồi núi là chủ yếu.

Bước 5: HS xác lập mối quan hệ giữa địa hình với sông ngòi để nêu được ý: địa hình dốc nên sông ở đây có nhiều thác ghềnh.

2.4. Phương pháp sử dụng bảng số liệu

Các số liệu được tập hợp thành bảng gọi là bảng số liệu

2.4.1. Khái niệm/ Bản chất

Phương pháp sử dụng bảng số liệu là phương pháp, trong đó GV tổ chức cho HS đối chiếu, so sánh, phân tích các số liệu của bảng số liệu để rút ra nhận xét.

2.4.2. Quy trình thực hiện.

GV hướng dẫn HS thực hiện các bước sau khi làm việc với bảng số liệu

Bước 1: Đọc tên bảng số liệu để biết nội dung của bảng số liệu.

Bước 2: Hiểu được mục đích làm việc với bảng số liệu.

Bước 3: Xem tên cột, nắm được ý nghĩa đơn vị và thời điểm đi kèm với các số liệu ở từng cột.

Bước 4: Đối chiếu các số liệu theo hàng dọc, hàng ngang của bảng số liệu để rút ra nhận xét.

2.4.3. Ví dụ minh họa

Sử dụng bảng số liệu về mật độ dân số các vùng của Việt Nam năm 2020 (trang 86, Bài 16 SGK môn *Lịch sử và Địa lí lớp 4*– Bộ sách Cánh Diều)

Bước 1: Đọc tên bảng số liệu “Bảng số liệu về mật độ dân số các vùng của Việt Nam năm 2020”.

Bước 2: So sánh mật độ dân số ở vùng Tây Nguyên với các vùng khác và nhận xét về sự phân bố dân cư của vùng này.

Bước 3: Bảng số liệu có 2 cột, cột 1: tên vùng; cột 2: mật độ dân số, đơn vị là người / km², thời điểm thống kê năm 2020).

Bước 4: Đối chiếu các số liệu theo hàng dọc, hàng ngang của bảng số liệu và trả lời câu hỏi sau:

- Năm 2020, mật độ dân số Tây Nguyên là bao nhiêu?
- So với mật độ dân số của các vùng khác, mật độ dân số Tây Nguyên là: (Đánh dấu x vào ☐ ở ý đúng)

+ Cao nhất ☐

+ Trung bình ☐

+ Thấp nhất ☒ X

Từ trả lời câu hỏi, HS nhận xét: Tây Nguyên là vùng thưa dân nhất ở nước ta.

2.5. Phương pháp sưu tầm tài liệu

2.5.1. Khái niệm/ Bản chất

Phương pháp sưu tầm tài liệu là phương pháp, trong đó GV hướng dẫn và tổ chức cho HS tìm kiếm, thu thập và khai thác thông tin từ các nguồn tư liệu khác nhau để nhằm giải quyết những nhiệm vụ học tập được giao.

2.5.2. Quy trình thực hiện

Căn cứ yêu cầu cần đạt, mục tiêu của bài học và điều kiện thực tế của HS, GV xác định những nhiệm vụ học tập HS cần sưu tầm và khai thác tài liệu. GV có thể thực hiện theo quy trình dưới đây để áp dụng phương pháp hướng dẫn HS sưu tầm tài liệu hiệu quả:

* *Bước 1:* GV giới thiệu nhiệm vụ và hướng dẫn HS sưu tầm tư liệu.

Để HS thực hiện tốt nhiệm vụ, phân hướng dẫn của GV cần cụ thể:

+ Các nguồn lấy tài liệu phù hợp với mục tiêu bài học: các trang web tin cậy, bảo tàng, nhà truyền thống địa phương, cơ sở sản xuất, nhân chứng lịch sử, nghệ nhân văn hoá, sách, báo, tạp chí,...

+ Định dạng tài liệu HS cần sưu tầm: tranh, ảnh, video, vật thật, văn bản, bản ghi âm,...

+ Hình thức thể hiện thông tin sưu tầm: bài thuyết trình, bộ sưu tập, ấn phẩm đồ hoạ, bài viết,...

* *Bước 2:* HS thực hiện nhiệm vụ

Tuỳ thuộc điều kiện thực tế, GV có thể tổ chức để HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, theo cặp hoặc theo nhóm. HS có thể thực hiện nhiệm vụ ở nhà, dưới sự hỗ trợ của người thân. Trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ, GV cần theo dõi tiến độ và hỗ trợ kịp thời nếu HS có khó khăn, vướng mắc.

* *Bước 3:* HS báo cáo sản phẩm. HS còn lại nhận xét, bổ sung.

GV có thể xây dựng bảng kiểm mục (checklist) hoặc rubrics tiêu chí đánh giá sản phẩm để hỗ trợ HS hoàn thành và tự đánh giá sản phẩm.

* *Bước 4:* GV nhận xét và tổng kết, GV kết nối tư liệu sưu tầm của HS với tiến trình nội dung bài học.

2.5.3. Một số lưu ý

– Việc giao nhiệm vụ cho HS sưu tầm tư liệu cần căn cứ vào điều kiện thực tế của HS, nhà trường và địa phương (các nguồn tài liệu có sẵn ở trường, ở địa phương không? Việc khai thác có phù hợp với khả năng khai thác của HS tiểu học không?...).

– Khuyến khích HS sử dụng công nghệ thông tin (nếu điều kiện cho phép) trong sưu tầm, khai thác tư liệu. Trong trường hợp HS sưu tầm tài liệu trên internet, GV hướng dẫn HS sử dụng các từ khoá trọng tâm để tìm kiếm và sử dụng thông tin trên các trang web của các cơ quan, tổ chức uy tín.

2.5.4. Ví dụ minh họa

Nhiệm vụ Vận dụng: Suru tầm tư liệu và giới thiệu về một công trình kiến trúc nổi tiếng của Hội An mà em yêu thích (trang 80, Bài 14 SGK môn *Lịch sử và Địa lí lớp 4* – Bộ sách Cánh Diều).

– Bước 1: GV giới thiệu và hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ: Suru tầm tư liệu trên internet về một công trình kiến trúc ở Hội An mà em yêu thích bằng cách sử dụng từ khoá: công trình kiến trúc nổi tiếng của Hội An hoặc tên công trình cụ thể (ví dụ: Hội quán Phúc Kiến, nhà cổ Phùng Hưng, nhà cổ Tấn Kí, Chùa Cầu, Hội quán Quảng Đông,...) và hoàn thành bài thuyết trình giới thiệu về một công trình đó. Bài giới thiệu cần đảm bảo nội dung chính: Tên công trình; thời gian xây dựng; đặc điểm nổi bật; hiện trạng (khuyến khích sử dụng hình ảnh, tranh vẽ minh họa).

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm. Thời gian 1 tuần.

– Bước 3: Đại diện các nhóm lần lượt trình bày sản phẩm.

– Bước 4: GV nhận xét theo tiêu chí đánh giá và tuyên dương nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH		
Người thực hiện		Người đánh giá
Tiêu chí	Điểm	
Hình thức	2.0	
Bố cục gồm ba phần: mở đầu, nội dung chính, kết luận.	1.0	
Sử dụng hình ảnh minh họa phù hợp, sinh động	1.0	
Nội dung	5.0	
Lựa chọn và sử dụng nguồn tài liệu chính xác, khoa học	1.0	
Nội dung bài thuyết trình đảm bảo các ý: Tên công trình; thời gian xây dựng; đặc điểm nổi bật; hiện trạng	3.0	
Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm rõ ràng.	1.0	
Kĩ năng thuyết trình	3.0	
Lời nói rõ ràng, chính xác, người nghe hiểu được đầy đủ nội dung.	1.0	
Nhấn mạnh những điểm cốt lõi của bài thuyết trình.	1.0	
Có lắng nghe và phản hồi được các câu hỏi của GV hoặc HS khác.	0.5	
Sử dụng hiệu quả phương tiện dạy học hỗ trợ thuyết trình.	0.5	

Phiếu đánh giá theo tiêu chí

3. Hướng dẫn tổ chức dạy học một số dạng bài và kế hoạch bài dạy minh họa

Trong SGK *Lịch sử và Địa lí 4* – Cánh Diều có hai dạng bài học là: Hình thành kiến thức, kỹ năng mới và Ôn tập.

– Dạng bài Hình thành kiến thức, kỹ năng mới: giúp HS đạt được các yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng để góp phần phát triển năng lực, đặc biệt là năng lực đặc thù môn học.

– Dạng bài Ôn tập: giúp HS hệ thống, khái quát những kiến thức, kỹ năng đã học và vận dụng tri thức lịch sử, địa lí vào thực tiễn học tập và đời sống. Dạng bài học này góp phần đặc lực vào việc hình thành, phát triển cho HS các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) và năng lực đặc thù môn học.

3.1. Tổ chức dạy học bài Hình thành kiến thức, kỹ năng mới

Tiến trình dạy học bài Hình thành kiến thức, kỹ năng mới bao gồm 4 bước chính:

– Bước 1. Khởi động

Đây là giai đoạn đầu tiên trong quá trình triển khai một bài dạy. Mục đích của giai đoạn này là thu hút sự chú ý, kích thích sự tò mò, hứng thú của HS với nội dung bài học. Đồng thời, giúp người học định hướng được mục tiêu của bài học hoặc vấn đề cần giải quyết trong bài học. Để tổ chức khởi động hiệu quả, GV có thể tham khảo một số ý tưởng sau: Sử dụng một thông tin liên quan đến bài mới nhưng gần gũi, quen thuộc với HS; kể một câu chuyện; sử dụng một số liệu thống kê ấn tượng; sử dụng hiện vật; tổ chức một trò chơi; tổ chức cho HS quan sát tranh ảnh hoặc xem video; đặt câu hỏi thăm dò,...

– Bước 2. Khám phá

Đây là giai đoạn chính trong tiến trình bài dạy. Mục đích của giai đoạn này là giúp tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, rèn luyện kỹ năng môn học. Phụ thuộc vào mục tiêu và nội dung kiến thức của bài học, GV có thể chia giai đoạn khám phá thành nhiều hoạt động nhỏ, tương ứng với vấn đề cần giải quyết hoặc theo cấu trúc nội dung của bài học.

“Học tập không phải là một môn thể thao dành cho khán giả. Học sinh không học được nhiều nếu chỉ ngồi trong lớp nghe giáo viên giảng, ghi nhớ các nhiệm vụ cho trước và đọc ra câu trả lời. Họ phải nói về những gì họ đang học, viết về nó, liên hệ nó với những trải nghiệm trong quá khứ và áp dụng nó vào cuộc sống hàng ngày của họ. Họ phải biến những gì họ học trở thành một phần của chính họ”¹. Do đó, ở hoạt động khám phá, GV nên thiết

kể các hoạt động đa dạng tăng cơ hội trải nghiệm, tương tác phù hợp với quan điểm dạy học phát triển năng lực, phẩm chất của HS. Dưới đây là một số gợi ý về các dạng hoạt động học tập có thể thiết kế cho HS trong dạy học Lịch sử và Địa lí.

Với mỗi hoạt động được thiết kế ở phần Khám phá, GV cần xác định được mục tiêu và cách tổ chức hoạt động. GV có thể căn cứ vào 3 câu hỏi sau để xác định hoạt động mình thiết kế có đảm bảo tính tích cực và hiệu quả?: (1) HS có được thực hiện hoạt động nào (nói, viết, vẽ, thiết kế, thảo luận, tranh luận, xem, đọc, kể chuyện,...) để chiếm lĩnh kiến thức không?; (2). Hoạt động đó có hướng đến mục tiêu của bài học và tạo ra sản phẩm cụ thể (câu trả lời, đoạn văn, sơ đồ, tranh vẽ, mô hình, bài thuyết trình,...) nào không?, (3). Trong hoạt động đó, HS có được tương tác với bạn bè (theo cặp/ theo bàn/theo nhóm) hoặc tài liệu, phương tiện học tập (SGK, phiếu học tập,...) hoặc thầy cô không?

– Bước 3. Luyện tập

Giai đoạn luyện tập được thực hiện ở phần cuối của bài học. Mục đích của giai đoạn này là giúp HS củng cố, hệ thống, khái quát kiến thức trọng tâm toàn bài, suy ngẫm về những gì đã học được. Hoạt động này cũng giúp GV lấy được phản hồi nhanh của HS về hiệu quả giờ học. Dưới đây là một số ý tưởng gợi ý tổ chức luyện tập: Trả lời câu hỏi tự luận hoặc trắc nghiệm ngắn; khái quát hoá/ tóm tắt kiến thức trọng tâm của bài học bằng sơ đồ tư duy, bảng hoặc dàn ý bài học; tham gia trò chơi; làm việc với bản đồ; lựa chọn 3 – 5 từ khoá quan trọng nhất trong bài học và giải thích nghĩa,...

– Bước 4. Vận dụng

Đối với giai đoạn vận dụng, GV có thể linh hoạt theo nội dung từng bài để hướng dẫn HS sử dụng kiến thức, kĩ năng được học vào thực tiễn cuộc sống. GV có thể linh hoạt giao nhiệm vụ tự chọn hoặc bắt buộc. HS lựa chọn thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc nhóm. Tuỳ thuộc tiến trình bài dạy, HS thực hiện giai đoạn này ngay trên lớp hoặc hoàn thành ở nhà và nộp sản phẩm trực tuyến (online).

Dưới đây là kế hoạch bài dạy minh hoạ.

BÀI 14. PHỐ CỔ HỘI AN (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học, HS đạt được:

1. Năng lực

a) Năng lực lịch sử và địa lí

- Xác định được vị trí địa lí của phố cổ Hội An trên lược đồ.
- Mô tả được một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An (ví dụ: Nhà cổ, Hội quán của người Hoa, Chùa Cầu Nhật Bản,...) có sử dụng tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...).
- Đề xuất được một số biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An.

b) Năng lực chung

- Tự chủ, tự học: Suru tâm tranh ảnh, câu chuyện về phố cổ Hội An;
- Giao tiếp và hợp tác: Làm việc theo cặp, nhóm;

2. Phẩm chất

- Yêu nước: Yêu quê hương, tự hào về quê hương, đất nước.
- Chăm chỉ: Thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân và quê hương, đất nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Lược đồ hành chính thành phố Hội An; hình ảnh tiêu biểu về phố cổ Hội An.
- Tờ tiền 20.000 đồng.
- Phiếu học tập.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

KHỞI ĐỘNG

* Mục tiêu:

- Kết nối được kiến thức thực tế với nội dung kiến thức mới trong bài.

– Tạo hứng thú cho HS.

*** Cách tiến hành:**

– Bước 1: GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát hình 1, tr. 76 trong SGK (GV có thể dùng tiền 20.000 đồng để tăng tính trực quan) và thực hiện nhiệm vụ theo cặp:

1. Công trình kiến trúc trong hình tên là gì và ở đâu?

2. Nêu những hiểu biết của em về công trình và địa điểm đó.

– Bước 2: Đại diện các cặp trình bày. GV khuyến khích HS đưa ra các trả lời khác nhau để tạo hứng thú.

– Bước 3: GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học.

KHÁM PHÁ

1. Vị trí địa lí

Hoạt động 1: Xác định vị trí địa lí của phố cổ Hội An

*** Mục tiêu:** Xác định được vị trí địa lí của phố cổ Hội An trên lược đồ

*** Cách tiến hành:**

– Bước 1: GV hướng dẫn HS đọc SGK mục 1. Vị trí địa lí, tr. 76 để xác định vị trí của phố cổ Hội An trên lược đồ hình 2 thông qua trả lời 2 câu hỏi dưới đây:

+ Phố cổ Hội An nằm ở phường nào? Phường đó tiếp giáp với các phường và dòng sông nào?

– Bước 2: Đại diện HS trả lời câu hỏi. HS còn lại nhận xét, bổ sung theo gợi ý: Phố cổ Hội An nằm ở phường Minh An, giáp với phường Cẩm Phô, Sơn Phong và sông Thu Bồn.

– Bước 3: GV nhận xét và tổng kết kiến thức: Phố cổ Hội An thuộc phường Minh An, thành phố Hội An tỉnh Quảng Nam.

2. Một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An

Hoạt động 2: Mô tả một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An

*** Mục tiêu:** Mô tả được một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An: Nhà cổ Phùng Hưng, Hội quán Phúc Kiến, Chùa Cầu Nhật Bản có sử dụng tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện...).

*** Cách tiến hành:**

- Bước 1: GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát tranh ảnh trong SGK từ trang 77 – 79 hoàn thành phiếu học tập 1 mô tả công trình kiến trúc tiêu biểu của phố cổ Hội An theo nhóm.

MÔ TẢ CÔNG TRÌNH

1

Tên công trình

.....

3

Dán/vẽ hình ảnh minh hoạ

.....

2

Đặc điểm kiến trúc nổi bật

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tên nhóm:.....

Lớp:.....

Phiếu học tập số 1

- Bước 2: Mỗi nhóm lựa chọn một công trình kiến trúc tiêu biểu để hoàn thành phiếu mô tả theo gợi ý sản phẩm dựa vào thông tin và khai thác hình ảnh trong SGK.

- Bước 3: GV nhận xét, tổng kết

TT	Tên công trình	Đặc điểm nổi bật về kiến trúc
1	Nhà cổ Phùng Hưng	Hai mắt cửa; trần gỗ uốn cong ở hiên tầng 2; mái nhà ở gian giữa có bốn hướng, vật liệu gỗ, ngói âm dương,..
2	Hội quán Phúc Kiến	Kiến trúc bề thế, trang trọng, chạm khắc tinh xảo, sống động, màu sắc sặc sỡ...

3	Chùa Cầu	Bắc qua con lạch nhỏ; chùa và cầu gắn với nhau thành một thể thống nhất; ba hệ mái tương ứng với ba phần cầu...
---	----------	---

* GV đặt câu hỏi luyện tập: Tại sao Chùa Cầu được sử dụng làm biểu tượng của phố cổ Hội An?

Gợi ý trả lời: Chùa Cầu được sử dụng làm biểu tượng của phố cổ Hội An vì các lí do cơ bản sau:

- + Kiến trúc độc đáo: chùa và cầu gắn với nhau thành một thể thống nhất, mang dấu ấn kiến trúc của nhiều quốc gia.
- + Biểu tượng tâm linh: thờ thần Bắc Đế Trấn Vũ – một vị thần chuyên trị phong ba, lũ lụt, bảo hộ xứ sở, đem lại niềm vui và hạnh phúc cho con người, ...

3. Một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị phố cổ Hội An (tiết 2)

Hoạt động 3: Đề xuất một số biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An.* Mục tiêu: Đề xuất được một số biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An.

*** Cách tiến hành**

– **Bước 1:** GV hướng dẫn HS làm việc nhóm và hoàn thành phiếu giao việc trước khi đến lớp. GV có thể cung cấp một số bài viết trên internet để HS tiện tham khảo.

PHIẾU GIAO VIỆC

Khai thác thông tin, hình ảnh trong mục 3, tr. 79 –80 trong SGK kết hợp với tài liệu trên internet, hãy liệt kê:

1. Những biện pháp đã được thực hiện tốt trong công tác bảo tồn và phát huy di sản ở Hội An.

.....

.....

2. Những vấn đề ảnh hưởng đến công tác bảo tồn và phát huy di sản ở Hội An.

– Bước 2: Ở trên lớp, GV hướng dẫn HS báo cáo sản phẩm đã chuẩn bị ở nhà. GV nhận xét và tuyên dương phần chuẩn bị bài của HS

– Bước 3: GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm, lựa chọn một vấn đề ảnh hưởng đến công tác bảo tồn và phát huy di sản ở Hội An (thiên tai, lũ lụt; quá trình đô thị hoá) và đề xuất giải pháp tương ứng. HS có thể lựa chọn trình bày giải pháp qua sơ đồ tư duy, khẩu hiệu, tranh vẽ,...

– Bước 4. HS hoàn thành sản phẩm. GV nhận xét, tuyên dương các nhóm và hướng dẫn HS ghi bài:

Một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị phố cổ Hội An:

- + Trùng tu di sản thường xuyên,
- + Xây dựng không gian xanh,
- + Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường,
- + Tích cực tuyên truyền, quảng bá vẻ đẹp của phố cổ Hội An.

LUYỆN TẬP

* **Mục tiêu:** củng cố, hệ thống nội dung kiến thức của bài học.

* **Cách tiến hành:**

– Bước 1: GV hướng dẫn HS đọc SGK phần Luyện tập và tham gia **Trò chơi tiếp sức** theo đội. Thẻ lệt: GV in bộ thẻ từ khoá lên giấy màu tương ứng với số nhóm HS. HS có thời gian 3 phút để dán bộ từ khoá vào bảng. Đội nhanh hơn sẽ là đội chiến thắng.

Bộ từ khoá: trùng tu di sản; bắc qua con lạch; hai mắt cửa; bảo vệ môi trường; màu sắc sặc sỡ; chạm khắc tinh xảo; mái nhà ở gian giữa có bốn hướng; tuyên truyền, quảng bá; chùa và cầu gắn với nhau; xây dựng không gian xanh.

– Bước 2: Các đội tham gia trò chơi

– GV công bố đội thắng cuộc và tổng kết:

Tên công trình	Nét độc đáo về kiến trúc	Biện pháp bảo tồn, phát huy
Nhà cổ Phùng Hưng	Hai mắt cửa; mái nhà ở gian giữa có bốn hướng.	– Trùng tu di sản thường xuyên, – Xây dựng không gian xanh, hệ thống xử lý nước thải hiện đại, – Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cư dân, khách du lịch, – Tích cực tuyên truyền, quảng bá vẻ đẹp của phố cổ Hội An.
Hội quán Phúc Kiến	màu sắc sỡ, chạm khắc tinh xảo	
Chùa Cầu	chùa và cầu gắn với nhau; bắc qua con lạch	

VẬN DỤNG

* **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giới thiệu và thiết kế được sản phẩm về Hội An

* **Cách tiến hành:**

– Bước 1: GV hướng dẫn HS đọc SGK phần Vận dụng, lựa chọn và hoàn thành một trong hai nhiệm vụ:

+ Sưu tầm tư liệu và giới thiệu về một công trình kiến trúc nổi tiếng của Hội An mà em yêu thích.

+ Thiết kế “Sổ tay hướng dẫn du lịch văn minh ở phố cổ Hội An” dành cho học sinh, trong đó có các lưu ý về giữ gìn môi trường và bảo vệ di sản.

– Bước 2: HS lựa chọn thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc nhóm theo gợi ý.

+ Nhiệm vụ 1: HS sưu tầm và giới thiệu theo các ý: Tên công trình; thời gian xây dựng; đặc điểm nổi bật; hiện trạng. Khuyến khích HS lựa chọn một công trình mà HS yêu thích để sưu tầm và giới thiệu, có thể là công trình chưa được trình bày trong SGK.

+ Nhiệm vụ 2: HS thiết kế sổ tay hướng dẫn du lịch văn minh với các hoạt động nên làm và không nên làm phù hợp với lứa tuổi của HS khi tham quan phố cổ Hội An có nội dung liên quan đến giữ gìn môi trường và bảo vệ di sản. Các hoạt động **nên** làm như: Tuân thủ nội quy và hướng dẫn thăm quan tại các di tích; Ứng xử văn minh, bảo vệ môi trường; Ưu tiên sử dụng phương tiện thân thiện khi thăm phố cổ: xích lô, đi bộ,... Các

hoạt động **không nên** làm: Chen lấn, xô đẩy, gây ồn ào; + Vứt rác bừa bãi,... Khuyến khích HS trình bày sản phẩm sáng tạo mang dấu ấn cá nhân.

– Bước 3: Tùy thuộc tiến trình bài dạy, GV có thể linh hoạt giao nhiệm vụ tự chọn hoặc bắt buộc, thực hiện trên lớp hoặc ở nhà và nộp sản phẩm trực tuyến/trực tiếp. GV nhận xét vào vở hoặc sản phẩm của HS (nếu cần).

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)

3.2. Tổ chức dạy học bài Ôn tập

Tiến trình dạy học bài Ôn tập chủ đề bao gồm 2 bước chính:

Bước 1. Tổ chức cho HS hệ thống, khái quát hoá những kiến thức, kĩ năng đã học được (của học kì 1 với Ôn tập học kì 1 và của cả năm với Ôn tập cuối năm) thông qua các bài tập đa dạng như: làm việc với lược đồ trống, làm bài tập trắc nghiệm, lập sơ đồ hệ thống, lập bảng tóm tắt hoặc so sánh,...

Bước 2. Tổ chức cho HS thực hành đòi hỏi các em phải vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề thường gặp trong thực tiễn học tập và trong đời sống góp phần hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất cho HS.

Để dạy dạng bài học này hấp dẫn, hiệu quả GV kết hợp sử dụng những phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực như: đóng vai, xử lí tình huống, trò chơi, tranh biện, sơ đồ tư duy, mảnh ghép, phòng tranh,... Ngoài ra, cũng cần hướng dẫn HS sưu tầm, chuẩn bị trước các tư liệu, thông tin ở nhà.

Dưới đây là kế hoạch bài dạy minh họa.

ÔN TẬP CUỐI NĂM (2 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học, HS đạt được:

1. Năng lực

a) Năng lực lịch sử và địa lí

– Xác định được vị trí địa lí của năm vùng: Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng Bắc Bộ, Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.

– Hệ thống được nội dung lịch sử và địa lí đã học về năm vùng của Việt Nam.

- Suru tầm tư liệu, giới thiệu được những nét tiêu biểu về vùng em sống.

b) Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Tích cực, chủ động tìm kiếm tư liệu, hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: Tham gia thảo luận, trình bày kết quả và phản hồi tích cực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất các ý tưởng và đưa ra hướng giải quyết nhiệm vụ học tập.

2. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Giữ gìn và phát huy giá trị của di tích lịch sử.
- Chăm chỉ: Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập và luôn tự giác tìm hiểu, suru tầm tư liệu về các vùng của Việt Nam.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bản đồ hoặc lược đồ các vùng của Việt Nam.
- Bộ thẻ chữ gồm 5 thẻ xanh về đặc điểm thiên nhiên và 5 thẻ vàng về hoạt động sản xuất.
- Tranh ảnh tiêu biểu về danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, nét văn hoá đặc sắc, danh nhân lịch sử ở vùng em sống (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động 1. Hệ thống một số kiến thức về năm vùng của Việt Nam

* **Mục tiêu:** Khái quát và hệ thống được kiến thức về vị trí địa lí, nhân vật lịch sử, di tích lịch sử, lễ hội của năm vùng.

*** Cách tiến hành:**

- Bước 1. GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 4, hoàn thành nhiệm vụ sau vào giấy A2.
 - + Nhiệm 1: Quan sát lược đồ hình 1 trang 117 trong SGK, em hãy cho biết tương ứng với các số 1, 2, 3, 4, 5 là những vùng nào của nước ta.
 - + Nhiệm vụ 2: Em hãy sắp xếp các từ khoá vào bảng dưới đây sao phù hợp với mỗi vùng.

Từ khoá:

– Nhân vật lịch sử: Đinh Núp, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Cảnh, Nguyễn Thị Định, N’Trang Long, Trương Định, Hoàng Diệu.

– Di tích lịch sử: Hội quán Phúc Kiến, chùa Thiên Mụ, Dinh Độc Lập, chùa Cầu, Bến cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, nhà cổ Phùng Hưng, lăng Khải Định, Văn Miếu – Quốc Tử Giám, lăng Tự Đức, Thăng Long tứ trấn.

– Lễ hội: lễ hội Lồng Tồng, lễ giỗ Tổ Hùng Vương, lễ hội chùa Hương, Hội Lim, lễ hội Cầu Ngư, lễ hội Ka-tê, lễ hội Cồng Chiêng, lễ hội Đua voi.

Vùng	Trung du và miền núi Bắc Bộ	Đồng bằng Bắc Bộ	Duyên hải miền Trung	Tây Nguyên	Nam Bộ
Từ khoá	?	?	?	?	?

– Bước 2. Đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

– Bước 3. GV nhận xét, chính xác hoá kiến thức:

+ Tương ứng với các số 1, 2, 3, 4, 5 là các vùng: Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng Bắc Bộ, Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Nam Bộ.

+ Các từ khoá được sắp xếp vào bảng

Vùng	Trung du và miền núi Bắc Bộ	Đồng bằng Bắc Bộ	Duyên hải miền Trung	Tây Nguyên	Nam Bộ
Từ khoá	lễ hội Lồng Tồng, lễ giỗ Tổ Hùng Vương.	Hoàng Diệu; Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Thăng Long	Hội quán Phúc Kiến, chùa Thiên Mụ, Chùa Cầu, nhà cổ	Đinh Núp, N’Trang Long; lễ hội Cồng	Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Cảnh, Nguyễn Thị

		tứ trấn; lễ hội chùa Hương, Hội Lim.	Phùng Hưng, lăng Khải Định, lăng Tự Đức; lễ hội Cầu Ngư, lễ hội Ka-tê	Chiêng, lễ hội đua voi	Định, Trương Định; Dinh Độc Lập, Bến cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi.
--	--	---	---	---------------------------	--

Hoạt động 2. Tham gia trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”

* **Mục tiêu:** Lựa chọn đặc điểm thiên nhiên và hoạt động sản xuất phù hợp với mỗi vùng.

* **Cách tiến hành:**

– Bước 1. GV phát cho mỗi nhóm 6 Bộ thẻ chữ và 5 hộp hoặc 5 phong bì ghi tên 5 vùng của Việt Nam và hướng dẫn cách chơi.

Bộ thẻ chữ gồm 5 thẻ màu xanh và 5 thẻ màu cam.

+ 5 thẻ chữ màu xanh về đặc điểm thiên nhiên của 5 vùng, cụ thể:

- A. Có nhiều cao nguyên, đất đỏ ba dan nhất nước ta.
- B. Có dãy núi cao nhất, mùa đông lạnh nhất nước ta.
- C. Có đồng bằng rộng lớn với sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.
- D. Địa hình tương đối bằng phẳng, có hệ thống đê ngăn lũ ven sông.
- E. Có dải đồng bằng nhỏ, hẹp; ven biển có nhiều cồn cát, đầm, phá.

+ 5 thẻ chữ màu vàng về hoạt động sản xuất của 5 vùng, cụ thể:

- G. Đánh bắt và nuôi trồng hải sản, sản xuất muối, du lịch biển phát triển.
- H. Trồng nhiều cây công nghiệp lâu năm, đặc biệt là cà phê.
- I. Đứng đầu cả nước về sản xuất công nghiệp, lúa gạo và nuôi trồng thủy sản.
- K. Trồng lúa trên ruộng bậc thang, có hai nhà máy thủy điện lớn hàng đầu của khu vực Đông Nam Á.

L. Sản xuất lúa gạo lớn thứ hai của Việt Nam và có nhiều nghề thủ công.

– Bước 2. Khi GV hô “bắt đầu”, các nhóm sẽ chọn các thẻ đưa vào 5 hộp hoặc 5 phong bì cho phù hợp. HS có 5 – 7 phút để chơi. Đội đúng và nhanh hơn sẽ là đội chiến thắng.

– GV công bố đội thắng cuộc và tổng kết:

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ: thẻ B, K; Vùng Đồng bằng Bắc Bộ: thẻ D, L; Vùng Duyên hải miền Trung: E, G; Vùng Tây Nguyên: A, H; Vùng Nam Bộ: C, I

Hoạt động 3. Giới thiệu về vùng em đang sống (nếu có điều kiện)

* **Mục tiêu:** Giới thiệu một số nét tiêu biểu về vùng em đang sống.

* **Cách tiến hành:**

– Bước 1. GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 6 – 8, chia sẻ tranh ảnh về vùng em sống theo gợi ý dưới đây và tạo ra sản phẩm có kết hợp thông tin và tranh ảnh

+ Tên vùng.

+ Danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử.

+ Danh nhân lịch sử.

+ Một số nét văn hoá đặc sắc.

+ Nêu cảm nghĩ của mình về vùng nơi em sống.

– Bước 2. GV sử dụng kỹ thuật phòng tranh để tổ chức cho HS chia sẻ sản phẩm

+ Mỗi nhóm trưng bày sản phẩm của nhóm tại vị trí trong lớp (được GV quy định).

+ Mỗi nhóm cử 1 HS thay phiên nhau ở lại để giải thích với các bạn tham quan sản phẩm của nhóm mình.

+ Các HS khác lần lượt đi tham quan các sản phẩm của các nhóm khác, sau đó HS trở về nhóm và bình chọn nhóm “Ấn tượng nhất”.

(Gợi ý tiêu chí: nội dung chính xác, tiêu biểu cho vùng; trình bày đẹp, sáng tạo; tạo được cảm xúc).

– Bước 3. GV nhận xét, bổ sung và hoàn thiện sản phẩm của các nhóm; tuyên dương nhóm “Ấn tượng nhất”.

Hoạt động 4. Xây dựng kế hoạch tham quan di tích lịch sử

* **Mục tiêu:** Su rù tầm tư liệu, giới thiệu được về một di tích lịch sử đã học.

* **Cách tiến hành:**

– Bước 1: GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm (từ 4 – 6 HS). HS hoàn thành sản phẩm trước khi đến lớp.

+ Lựa chọn một di tích lịch sử đã học, su rù tầm tư liệu để hoàn thành kế hoạch thăm quan di tích theo gợi ý SGK trang 118.

+ Liệt kê những việc HS nên làm và không nên làm gì khi đến tham quan các di tích lịch sử để gìn giữ và quảng bá giá trị của các di tích đó.

– Bước 2: Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm. Các nhóm còn lại nhận xét và bình chọn “Kế hoạch thăm quan thú vị nhất” theo các gợi ý sau:

Tiêu chí đánh giá kế hoạch thăm quan di tích

☐ Kế hoạch thăm quan có di tích lịch sử đã học.

☐ Khả thi: về phương tiện, thời gian, chi phí,...

☐ Giới thiệu được các hoạt động chính nên tham gia ở di tích đó.

☐ Nếu được các lưu ý khi thăm quan: an toàn, giữ gìn vệ sinh môi trường, giữ gìn cảnh quan di tích,...

☐ Giới thiệu được nét đặc trưng tiêu biểu của di tích.



Mức độ yêu thích


– Bước 3: GV nhận xét, gợi ý một số việc nên làm và không nên làm khi đến thăm quan các di tích lịch sử để gìn giữ và quảng bá giá trị của các di tích đó.

+ Các hoạt động **nên** làm như: Tuân thủ nội quy và hướng dẫn thăm quan tại các di tích; ứng xử văn minh, bảo vệ môi trường; đảm bảo an toàn khi thăm quan;...

+ Các hoạt động **không nên** làm: Chen lấn, xô đẩy, gây ồn ào; vứt rác bừa bãi; xâm phạm di tích,...

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)

4. Gợi ý phân phối chương trình Lịch sử và Địa lí 4

Môn Lịch sử và Địa lí 4 có tổng số tiết là 70 tiết. Trong đó có 64 tiết học và 6 tiết ôn tập và kiểm tra được phân thành hai học kì theo gợi ý:

Học kì 1: 31 tiết + 3 tiết ôn tập, kiểm tra = 34 tiết.

– Có thể tổ chức ôn tập học kì 1 và kiểm tra học kì 1 sau bài 10.

Học kì 2: 33 tiết + 3 tiết ôn tập, kiểm tra = 36 tiết.

– Tổ chức ôn tập học kì 2 và kiểm tra học kì 2 sau bài 21.

BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH SGK LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4

CÁC PHẦN VÀ BÀI HỌC	SỐ TIẾT
Bài 1. Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí	3
Bài 2. Địa phương em (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	4
VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ	10
Bài 3. Thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	3
Bài 4. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	4
Bài 5. Đền Hùng và lễ giỗ Tổ Hùng Vương	3
VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ	14
Bài 6. Thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ	3
Bài 7. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ	4
Bài 8. Sông Hồng và văn minh sông Hồng	2
Bài 9. Thăng Long – Hà Nội	3

Bài 10. Văn Miếu – Quốc Tử Giám	2
VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG	12
Bài 11. Thiên nhiên vùng Duyên hải miền Trung	3
Bài 12. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá ở vùng Duyên hải miền Trung	4
Bài 13. Cố đô Huế	3
Bài 14. Phố cổ Hội An	2
VÙNG TÂY NGUYÊN	9
Bài 15. Thiên nhiên vùng Tây Nguyên	3
Bài 16. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Tây Nguyên	4
Bài 17. Lễ hội Cồng Chiêng Tây Nguyên	2
VÙNG NAM BỘ	12
Bài 18. Thiên nhiên vùng Nam Bộ	3
Bài 19. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Nam Bộ	4
Bài 20. Thành phố Hồ Chí Minh	3
Bài 21. Địa đạo Củ Chi	2
ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA	6
TỔNG SỐ TIẾT	70

Lưu ý: Phân phối chương trình mang tính chất dự kiến, có thể thay đổi linh hoạt phụ thuộc vào kế hoạch của từng nhà trường.



PHẦN III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 4 – BỘ SÁCH CÁNH DIỀU

Đánh giá kết quả học tập môn Lịch sử và Địa lí 4 – Bộ sách Cánh Diều cần đảm bảo yêu cầu cần đạt của chương trình và các yêu cầu cụ thể của Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020. Dưới đây là một số lưu ý:

1. Mục đích đánh giá

Mục đích đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình môn Lịch sử và Địa lí và sự tiến bộ của HS để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh hoạt động dạy học của giáo viên và quản lí của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Nội dung đánh giá

Đánh giá quá trình học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh theo Yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học.

Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học.

Như vậy, bên cạnh đánh giá nội dung kiến thức, cần tăng cường đánh giá các kĩ năng của HS như: làm việc với bản đồ, lược đồ, sơ đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hoá thông tin,... Đánh giá khả năng vận dụng tri thức vào những tình huống cụ thể, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức địa lí làm trung tâm của việc đánh giá.

3. Phương pháp đánh giá

Đối với môn Lịch sử và Địa lí 4, có thể sử dụng một số phương pháp đánh giá sau:

– Phương pháp quan sát: GV theo dõi, lắng nghe HS trong quá trình học tập trên lớp, sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật kí ghi chép lại các biểu hiện của HS để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập của HS.

– Phương pháp đánh giá qua các sản phẩm, hoạt động của HS: Giáo viên đưa ra các nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, hoạt động của HS, từ đó đánh giá HS theo từng nội dung đánh giá có liên quan.

– Phương pháp vấn đáp: GV trao đổi với HS thông qua việc hỏi – đáp để thu thập thông tin nhằm đưa ra những nhận xét, biện pháp giúp đỡ kịp thời.

– Phương pháp kiểm tra viết: GV sử dụng các bài kiểm tra gồm câu hỏi, bài tập được thiết kế theo mức độ, yêu cầu cần đạt của chương trình, dưới hình thức trắc nghiệm, tự luận hoặc kết hợp trắc nghiệm và tự luận để đánh giá mức độ đạt được về các nội dung giáo dục lịch sử và địa lí.

4. Công cụ kiểm tra đánh giá

Để hỗ trợ quá trình kiểm tra, đánh giá HS, GV có thể sử dụng các công cụ như: phiếu quan sát (xem ví dụ ở hình 1), bảng kiểm (xem ví dụ ở hình 2), các phiếu đánh giá tiêu chí (xem ví dụ hình 3, hình 4), phiếu hỏi (xem ví dụ ở hình 5), các loại câu hỏi vấn đáp, rubric đánh giá sản phẩm (xem ví dụ ở bảng 1), bài kiểm tra (xem ví dụ ở mục 5.2) được GV tự biên soạn hoặc tham khảo từ các tài liệu hướng dẫn.

Phiếu quan sát kỹ năng thuyết trình																																														
Học sinh																																														
Giáo viên																																														
Kĩ năng																																														
Ngày/Môn																																														
☐ Tự đánh giá của cá nhân																																														
Các mức độ đánh giá																																														
5	Rất thành thạo																																													
4	Thành thạo																																													
3	Khá thành thạo																																													
2	Chưa thành thạo																																													
1	Không có kĩ năng																																													
<table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Các tiêu chí</th> <th colspan="5">Các mức độ đánh giá</th> </tr> <tr> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lời nói rõ ràng, chính xác, người nghe có thể hiểu đầy đủ nội dung.</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Sử dụng ví dụ và minh họa phù hợp với nội dung thuyết trình</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học hỗ trợ cho việc thuyết trình</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Nhấn mạnh những điểm cốt lõi của bài thuyết trình</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Có lắng nghe và phản hồi được các câu hỏi của HS khác/ GV</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>						Các tiêu chí	Các mức độ đánh giá					1	2	3	4	5	Lời nói rõ ràng, chính xác, người nghe có thể hiểu đầy đủ nội dung.						Sử dụng ví dụ và minh họa phù hợp với nội dung thuyết trình						Sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học hỗ trợ cho việc thuyết trình						Nhấn mạnh những điểm cốt lõi của bài thuyết trình						Có lắng nghe và phản hồi được các câu hỏi của HS khác/ GV					
Các tiêu chí	Các mức độ đánh giá																																													
	1	2	3	4	5																																									
Lời nói rõ ràng, chính xác, người nghe có thể hiểu đầy đủ nội dung.																																														
Sử dụng ví dụ và minh họa phù hợp với nội dung thuyết trình																																														
Sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học hỗ trợ cho việc thuyết trình																																														
Nhấn mạnh những điểm cốt lõi của bài thuyết trình																																														
Có lắng nghe và phản hồi được các câu hỏi của HS khác/ GV																																														
Đánh giá chung của giáo viên _____ _____ _____																																														

Hình 1. Phiếu quan sát kỹ năng thuyết trình

BẢNG KIỂM		
Bài 3. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ		
NỘI DUNG	ĐÃ HIỂU	CẦN GIẢI THÍCH THÊM
1. Xác định vị trí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.	☐	☐
2. Xác định vị trí dãy Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan - xi - păng, cao nguyên Mộc Châu.	☐	☐
3. Mô tả được một trong những đặc điểm thiên nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.	☐	☐
4. Nêu được ảnh hưởng của địa hình, khí hậu, sông ngòi đối với đời sống và sản xuất của người dân ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.	☐	☐
4. Đưa ra một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.	☐	☐

Hình 2. Bảng kiểm hỗ trợ HS tự đánh giá bài 3. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH	
Người thực hiện	Người đánh giá
Tiêu chí	Điểm
Hình thức	2.0
Bố cục gồm ba phần: mở đầu, nội dung chính, kết luận.	1.0
Sử dụng hình ảnh minh họa phù hợp, sinh động	1.0
Nội dung	5.0
Lựa chọn và sử dụng nguồn tài liệu chính xác, khoa học	1.0
Nội dung bài thuyết trình đảm bảo các ý: Tên công trình; thời gian xây dựng; đặc điểm nổi bật; hiện trạng	3.0
Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm rõ ràng.	1.0
Kĩ năng thuyết trình	3.0
Lời nói rõ ràng, chính xác, người nghe hiểu được đầy đủ nội dung.	1.0
Nhấn mạnh những điểm cốt lõi của bài thuyết trình.	1.0
Có lắng nghe và phản hồi được các câu hỏi của GV hoặc HS khác.	0.5
Sử dụng hiệu quả phương tiện dạy học hỗ trợ thuyết trình.	0.5

Hình 3. Phiếu đánh giá theo tiêu chí

**Tiêu chí đánh giá kế hoạch
thăm quan di tích**

☐ Kế hoạch thăm quan có di tích lịch sử đã học.

☐ Khả thi: về phương tiện, thời gian, chi phí,...

☐ Giới thiệu được các hoạt động chính nên tham gia ở di tích đó.

☐ Nếu được các lưu ý khi thăm quan: an toàn, giữ gìn vệ sinh môi trường, giữ gìn cảnh quan di tích,...

☐ Giới thiệu được nét đặc trưng tiêu biểu của di tích.



Mức độ yêu thích
 ☆ ☆ ☆ ☆

Hình 4. Phiếu đánh giá theo tiêu chí

Name: _____
Date: _____
Period/Subject: _____

**Em cảm thấy bài học
hôm nay thế nào?**



Tại sao?

Name: _____
Date: _____
Period/Subject: _____

**Em cảm thấy bài học
hôm nay thế nào?**



Tại sao?

Name: _____
Date: _____
Period/Subject: _____

3
2
1

3 Điều em học được hôm nay...

2 Câu hỏi em muốn hỏi...

1 Điều làm em cảm thấy "WOW!"

Name: _____
Date: _____
Period/Subject: _____

3
2
1

3 Điều em học được hôm nay...

2 Câu hỏi em muốn hỏi...

1 Điều làm em cảm thấy "WOW!"

Hình 5. Một số phiếu hỏi lấy thông tin phản hồi của HS

Bảng Rubric đánh giá sản phẩm nhóm

Tiêu chí	4 (10 điểm)	3 (8 – 9 điểm)	2 (6 – 7 điểm)	1 (0 – 5 điểm)	Điểm
Nội dung	Đủ nội dung kiến thức; có ít nhất 1 thông tin mở rộng.	Đủ nội dung kiến thức cơ bản.	Thiếu nhiều nhất 1 nội dung kiến thức cơ bản.	Thiếu nhiều hơn 1 nội dung kiến thức cơ bản.	
Hình thức	Bố cục logic, mạch lạc, thu hút người xem.	Bố cục logic, dễ nhìn.	Màu sắc bắt mắt nhưng bố cục chưa logic hoặc ngược lại, khó theo dõi.	Màu sắc bắt mắt, bố cục thiếu logic.	
Sáng tạo	Thể hiện điểm độc đáo của nhóm và dấu ấn sáng tạo của các thành viên.	Sản phẩm thể hiện điểm độc đáo của nhóm.	Sản phẩm chưa thể hiện được điểm độc đáo của nhóm	Sản phẩm có sự trùng lặp.	
Quản lí thời gian	Hoàn thành và nộp sản phẩm đúng hạn	Nộp sản phẩm đúng hạn nhưng có một nội dung chưa hoàn thành.	Nộp sản phẩm đúng hạn nhưng có một số nội dung trong chưa hoàn thành.	Nộp sản phẩm muộn so với thời hạn.	
Tổng điểm					

5. Hình thức đánh giá

5.1. Đánh giá thường xuyên

** Về nội dung học tập môn Lịch sử và Địa lí*

Khi tiến hành đánh giá thường xuyên, GV sử dụng linh hoạt, phù hợp các phương pháp, hình thức đánh giá. Đánh giá hoạt động học tập của HS thể hiện ở các nội dung sau:

- Đánh giá sự tích cực, hứng thú tham gia các hoạt động học tập của HS.
- Đánh giá HS mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS.
- Đánh giá chất lượng của sản phẩm học tập.

Thời điểm đánh giá thường xuyên được thực hiện linh hoạt trong quá trình dạy học và giáo dục, không bị giới hạn bởi số lần đánh giá. Mục đích chính là khuyến khích HS nỗ lực học tập, vì sự tiến bộ của người học.

Trong quá trình đánh giá thường xuyên, GV có thể phản hồi qua lời nói, chỉ ra cho HS biết được chỗ đúng, chưa đúng và cách sửa chữa; viết nhận xét vào vở hoặc sản phẩm học tập của HS khi cần thiết, có biện pháp cụ thể giúp đỡ kịp thời. GV có thể tham khảo cấu trúc dưới đây để có phản hồi có chất lượng: + *Làm nổi bật thành công: nêu ra hai hoặc ba thành công đề cập đến mục tiêu học tập hay tiêu chuẩn cần hướng tới; + Xác định lĩnh vực cần cải thiện: nêu một điều có thể được cải thiện (không phải luôn luôn là những mặt yếu kém); + Hướng dẫn người học cải thiện theo ba gợi ý sau: nhắc nhở học sinh những tiêu chí cần đạt tới; đưa ra lời khuyên về những gì họ có thể làm; đưa ra các ví dụ minh họa; + Cho học sinh thời gian: cung cấp cho học sinh cơ hội để tiếp thu các cải tiến và thực hiện những thay đổi.*

Ví dụ: Khi phản hồi về bài làm/ sản phẩm của HS nên bao gồm các nội dung như sau:

- + Nhận xét quá trình làm bài (giáo viên nên sử dụng những nhận xét mang tính chất đánh giá cả quá trình làm bài, sản phẩm của học sinh. Không nên chỉ nhận xét về kết quả).
- + Nhận xét về cách trình bày bài làm, hình thức sản phẩm của HS.
- + Nhận xét về nội dung bài làm.
- + Chỉ rõ sự tiến bộ của HS so với bài hoặc sản phẩm trước của chính HS đó.

+ Nêu ngắn gọn cảm nhận của giáo viên về bài làm hoặc sản phẩm (GV có thể yêu thích, tự hào, đồng cảm hoặc chia sẻ với HS. Nếu được có thể sử dụng thêm “gia vị” là sự hài hước).

HS tự nhận xét và tham gia nhận xét sản phẩm học tập của bạn, nhóm bạn trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập để học và làm tốt hơn.

Phụ huynh HS trao đổi với GV về các nhận xét, đánh giá HS bằng các hình thức phù hợp và phối hợp với GV động viên, giúp đỡ HS học tập, rèn luyện.

** Về hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực*

Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất của HS, GV cần sử dụng linh hoạt, phù hợp các phương pháp đánh giá; căn cứ vào những biểu hiện về nhận thức, hành vi, thái độ của HS; đối chiếu với yêu cầu cần đạt của từng phẩm chất chủ yếu để nhận xét và có biện pháp giúp đỡ kịp thời. HS được tự nhận xét và được tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn về những biểu hiện của từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi để hoàn thiện bản thân.

Đánh giá năng lực cần dựa trên việc thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Khi được giao một nhiệm vụ học tập cụ thể, đòi hỏi học sinh phải thể hiện kiến thức, kỹ năng qua việc trình bày miệng hoặc trên giấy; trình bày một sản phẩm, một báo cáo; trả lời câu hỏi; thực hiện một dự án học tập;... Quan sát việc thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh cùng những sản phẩm cụ thể ta có thể nhận biết mức độ thể hiện các năng lực của các em.

5.2. Đánh giá định kì

** Về nội dung học tập môn Lịch sử và Địa lí*

Đánh giá định kì là đánh giá kết quả giáo dục của HS sau một giai đoạn học tập, rèn luyện, nhằm xác định mức độ mà HS hoàn thành yêu cầu cần đạt của chương trình môn học. Thời điểm đánh giá định kì thường được tiến hành sau khi kết thúc một giai đoạn học tập (giữa kì, cuối kì). Người thực hiện đánh giá định kì có thể là GV đánh giá, nhà trường đánh giá hoặc tổ chức kiểm định các cấp đánh giá.

GV căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và yêu cầu cần đạt, biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học để đánh giá HS theo các mức sau:

+ Hoàn thành tốt: thực hiện tốt các yêu cầu học tập và thường xuyên có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học.

+ Hoàn thành: thực hiện được các yêu cầu học tập và có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học.

+ Chưa hoàn thành: chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập hoặc chưa có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học

– Vào cuối học kì I và cuối năm học, có bài kiểm tra định kì. Đề kiểm tra định kì phù hợp với yêu cầu cần đạt và các biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức sau:

+ Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập.

+ Mức 2: Kết nối, sắp xếp được các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lí trong học tập và cuộc sống

+ Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lí trong học tập và cuộc sống.

** Về hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực*

Vào giữa học kì I, cuối học kì I, giữa học kì II và cuối năm học, GV chủ nhiệm phối hợp với các GV dạy cùng lớp (nếu có), thông qua các nhận xét, các biểu hiện trong quá trình đánh giá thường xuyên về sự hình thành và phát triển từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của mỗi HS, đánh giá theo các mức sau:

– Tốt: Đáp ứng tốt yêu cầu giáo dục, biểu hiện rõ và thường xuyên.

– Đạt: Đáp ứng được yêu cầu giáo dục, biểu hiện nhưng chưa thường xuyên.

– Cần cố gắng: Chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu giáo dục, biểu hiện chưa rõ.

Để đáp ứng mục đích, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập của HS như trên, SGK *Lịch sử và Địa lí 4* đã tăng cường hệ thống các câu hỏi trong phần Khám phá, Luyện tập và Vận dụng. Do vậy GV nên sử dụng các câu hỏi đó để tổ chức đánh giá kết quả học tập thường xuyên cho HS. Đồng thời, khi tổ chức các hoạt động học tập, GV nên đa dạng các hình thức và công cụ đánh giá để tạo cơ hội cho HS tham gia vào quá trình tự đánh giá. GV có thể thiết kế bảng kiểm, phiếu đánh giá theo tiêu chí,... để tổ chức đánh giá sản phẩm học tập cho HS.

* Gợi ý bài kiểm tra định kì

CÁC BƯỚC XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA

Bước 1. Xác định mục đích của đề kiểm tra.

Bước 2. Xác định hình thức đề kiểm tra.

Bước 3. Thiết lập ma trận đề kiểm tra.

Bước 4. Biên soạn câu hỏi theo ma trận.

Bước 5. Xây dựng hướng dẫn chấm (đáp án) và thang điểm.

Bước 6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra.

Ví dụ: Đề kiểm tra cuối năm lớp 4

Bước 1: Để đánh giá kết quả học tập cuối năm của HS, tập trung các nội dung của vùng Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Nam Bộ.

Bước 2: Kết hợp: Trắc nghiệm và tự luận.

Bước 3: Ma trận đề kiểm tra.

Mạch nội dung	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng	
		KQ	TL	KQ	TL	KQ	TL	KQ	TL
Duyên hải miền Trung	Số câu						1 (Đ)		1
	Số điểm						2		2
Tây Nguyên	Số câu	1 (S)		1 (Đ)				1	1
	Số điểm	1		1				1	1
Nam Bộ	Số câu				0.5 (S)		0.5 (S)		1
	Số điểm				1		1		2

Kết nối các vùng	Số câu	2 (Đ, S)		1 (Đ)				3	
	Số điểm	3		1				4	
Tổng	Số câu	3		2	0.5		1.5	5	2
	Số điểm	4 điểm		2 điểm	1 điểm		3 điểm	6	4

Bước 4. Đề kiểm tra

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI NĂM LỚP 4

Câu 1. Hãy nêu tên các vùng dưới đây tương ứng với các vị trí được đánh số trên hình 1.

- | Số | Tên vùng |
|----|--------------------------------|
| 1 | A. Đồng bằng Bắc Bộ. |
| 2 | B. Nam Bộ. |
| 3 | C. Tây Nguyên. |
| 4 | D. Duyên hải miền Trung |
| 5 | E. Trung du và miền núi Bắc Bộ |



Hình 1. Lược đồ các vùng của Việt Nam

Câu 2. Nối mỗi ý ở cột B với một ý ở cột A và một ý ở cột C cho phù hợp.

A. Đặc điểm tự nhiên	B. Vùng	C. Hoạt động sản xuất
a. Có nhiều cao nguyên, đất đỏ badan nhất nước ta.	1. Duyên hải miền Trung	d. Đánh bắt và nuôi trồng hải sản, sản xuất muối, du lịch biển,... phát triển.
b. Có đồng bằng rộng lớn với sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.	2. Tây Nguyên	e. Trồng nhiều cây công nghiệp lâu năm, đặc biệt là cà phê.
c. Có dải đồng bằng nhỏ, hẹp; ven biển có nhiều cồn cát, đầm, phá.	3. Nam Bộ	g. Đứng đầu cả nước về sản xuất công nghiệp, lúa gạo và nuôi trồng thủy sản.

Câu 3. Em hãy viết các từ khoá sau đây sao cho phù hợp với mỗi vùng: *Chùa Cầu, Dinh Độc Lập, Kinh thành Huế, lễ hội Cồng chiêng, lễ hội Ka-tê, Địa đạo Củ Chi, Bến Nhà Rồng*

Duyên hải miền Trung	Tây Nguyên	Nam Bộ
.....		
.....		
.....		

Câu 4. Vai trò của Cồng chiêng đối với các dân tộc Tây Nguyên là gì? Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

- A. Sử dụng để thúc giục người dân lao động.
- B. Sử dụng trong các hoạt động nghi lễ, vui chơi, giải trí, đón tiếp khách.
- C. Chỉ được sử dụng trong các nghi lễ tổ chức vào mùa đông.
- D. Chỉ được sử dụng bởi các già làng.

Câu 5. Quan sát bảng số liệu dưới đây, em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước ý đúng về thời gian diễn ra mùa mưa và mùa khô ở Buôn Ma Thuột.

Bảng nhiệt độ và lượng mưa trung bình tháng ở Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	21	23	25	26	26	25	24	24	24	24	23	21
Lượng mưa (mm)	7	6	28	86	242	236	246	315	347	203	106	26

Mùa khô

Mùa mưa

(Nguồn: Trung tâm thông tin và Dữ liệu khí tượng thủy văn)

- A. Mùa mưa: tháng 5,6,7,8. 9,10,11 và mùa khô: tháng 1, 2,3,4,12.
- B. Mùa khô từ tháng 1 đến tháng 6 và mùa mưa từ tháng 7 đến tháng 12.
- C. Mùa khô: tháng 3,4,5,6,7,8,9,10 và mùa mưa: tháng 1,2, 11,12.
- D. Mùa mưa từ tháng 1 đến tháng 6 và mùa khô từ tháng 7 đến tháng 12.

Câu 6. Quan sát các hình ảnh sau:



Hình 2. Ngập lụt ở tỉnh Quảng Trị



Hình 3. Hạn hán ở tỉnh Bình Định



a) Hãy nêu cảm nghĩ của em khi quan sát các hình ảnh này.

.....

.....

.....

b) Chúng ta cần phải làm gì để giúp đỡ người dân miền Trung vượt qua những khó khăn khi gặp phải các thiên tai.

.....

.....

.....

Câu 7. Đọc câu chuyện sau và trả lời câu hỏi:

Hai bàn tay

Được một người quen giới thiệu, Nguyễn Tất Thành đã tìm đến vị thuyền trưởng con tàu Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin để xin việc. Ban đầu, vị thuyền trưởng định từ chối vì cho rằng một thư sinh như Nguyễn Tất Thành không thể chịu nổi công việc làm bếp rất nặng nhọc, hằng ngày phải lo những bữa ăn cho cả trăm người với nhiều khẩu phần khác nhau. Nguyễn Tất Thành đã chìa hai bàn tay đầy những vết chai sạn của mình và thuyết phục được thuyền trưởng bởi sự tự tin, quyết tâm mạnh mẽ.

(Theo Sơn Tùng, *Búp sen xanh*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2020, tr.338 – 339)

a) Em hãy trình bày tóm tắt về sự kiện lịch sử gắn với câu chuyện trên.

.....

.....

.....

b) Nguyễn Tất Thành đã làm gì để thuyết phục được thuyền trưởng của tàu Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin? Em học được điều gì từ câu chuyện này.

.....

.....

Bước 5. Hướng dẫn chấm và thang điểm

Câu 1 (1 điểm)

Đáp án: 1 - E, 2 - A, 3 - D, 4 - C, 5 - B

Câu 2 (2 điểm)

Đáp án: 1 - c, d; 2 - a, e; 3 - b, g

Câu 3 (1 điểm)

Đáp án:

Duyên hải miền Trung	Tây Nguyên	Nam Bộ
Chùa Cầu, Kinh thành Huế, lễ hội Ka-tê	Lễ hội Cồng chiêng	Dinh Độc Lập, Bến Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi

Câu 4 (1 điểm)

Đáp án: B

Câu 5 (1 điểm)

Đáp án: A

Câu 6 (2 điểm, mỗi ý a, b 1 điểm)

Đáp án: a) HS nêu được cảm nghĩ của mình: Ở duyên hải miền Trung, các thiên tai đã gây ra nhiều thiệt hại về người và tài sản đối với người dân.

b) HS cần phải:

- Đồng cảm, chia sẻ với những người, gia đình chịu ảnh hưởng thiên tai.
- Quyên góp quần áo, sách vở, các dụng cụ học tập,...
- Cố gắng học tập chăm chỉ để mai sau có những đóng góp lớn hơn cho xã hội nói chung và những người không may gặp thiên tai nói riêng.

Câu 7. (2 điểm, mỗi ý a, b 1 điểm)

Đáp án:

a) Trình bày được tên, thời gian và nơi diễn ra sự kiện, nêu được một số chi tiết khác về sự kiện.



(VD: Năm 1911, tại bến cảng Nhà Rồng, Nguyễn Tất Thành đã ra đi tìm đường cứu nước. Trên con đường đi tìm đường cứu nước, Bác Hồ đã làm nhiều việc khác nhau để kiếm sống và tìm đường cứu dân tộc khỏi ách đô hộ.)

b) Nêu được các ý sau:

- Nguyễn Tất Thành đã chìa hai bàn tay đầy những vết chai sạn của mình và thuyết phục được thuyền trưởng bởi sự tự tin, quyết tâm mạnh mẽ
- HS có thể học được từ câu chuyện: sự tự tin, quyết tâm để thực hiện quyết định và mong muốn của mình.

Bước 6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra.

.....

.....

.....

.....

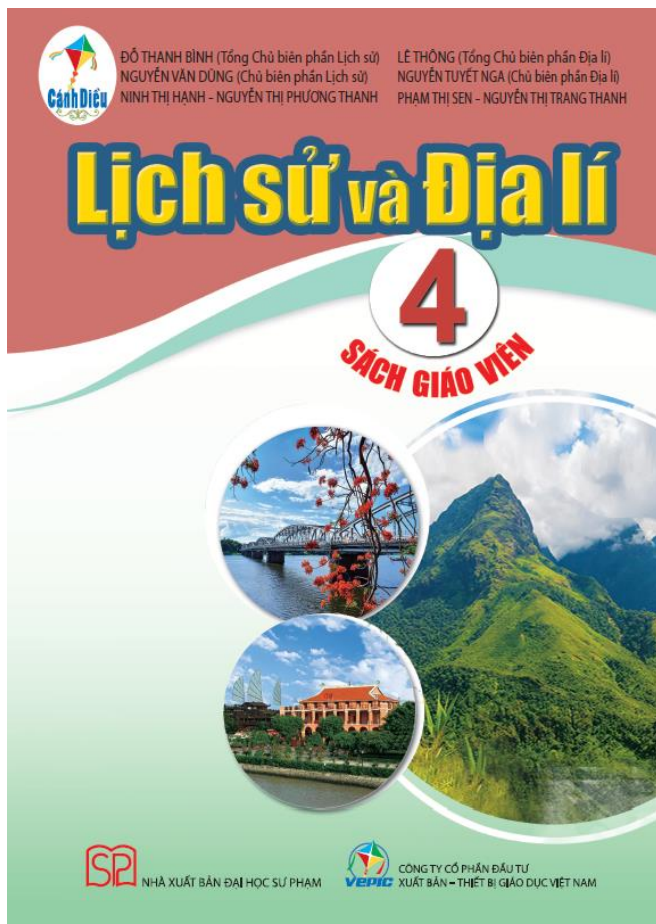
.....

.....

.....

PHẦN IV. GIỚI THIỆU VỀ HỆ THỐNG TÀI LIỆU THAM KHẢO, HỖ TRỢ

1. Sách giáo viên



Cuốn sách giáo viên có cấu trúc gồm hai phần là: phần những vấn đề chung và phần hướng dẫn dạy học các bài cụ thể.

Phần một. Những vấn đề chung bao gồm: Đặc điểm Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 môn Lịch sử và Địa lí 4; Thời lượng, cấu trúc, nội dung và những điểm mới của sách giáo khoa *Lịch sử và Địa lí 4*; Định hướng về phương pháp và cách sử dụng thiết bị dạy học, về đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Phần hai. Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể là gợi ý cụ thể cho 21 bài học và 2 bài ôn tập: ôn tập học kì I và ôn tập cuối năm. Mỗi bài học được thiết kế theo hướng sau: *Mục tiêu* (sau bài học, học sinh hướng tới đạt được yêu cầu về năng lực, phẩm chất); *Đồ dùng dạy học* (tranh ảnh, tư liệu, video liên quan đến bài học, sơ đồ, lược đồ, bản đồ; phiếu học tập, phiếu đánh giá; máy tính, máy chiếu,...); *Các hoạt động dạy học chủ yếu* (khởi động, khám phá, luyện tập, vận dụng); *Thông tin mở rộng*.

Để sử dụng cuốn sách có hiệu quả, GV cần lưu ý:

Thứ nhất, việc hướng dẫn thiết kế chuỗi hoạt động dạy học theo các bài có sự thống nhất trong đa dạng, nghĩa là thống nhất về quy trình, nhưng thiết kế cụ thể theo các phương án khác nhau nhằm giúp thầy, cô giáo có nhiều cơ hội lựa chọn hơn.

Thứ hai, việc thiết kế các bài dạy tuy rất cụ thể nhưng chỉ có tính gợi mở, không áp đặt, chủ yếu gợi ý cho các thầy, cô giáo cách dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. Trong quá trình tổ chức dạy học, các thầy, cô giáo tham khảo những gợi ý thiết kế đó và vận dụng linh hoạt trong điều kiện dạy học của mình hay của từng địa phương. Trên thực tế, nhiều thầy, cô giáo đã có những sự sáng tạo phù hợp với từng điều kiện, từng hoàn cảnh, mang lại hiệu quả cao.

2. Sách bài tập



Cuốn sách bài tập có hai phần:

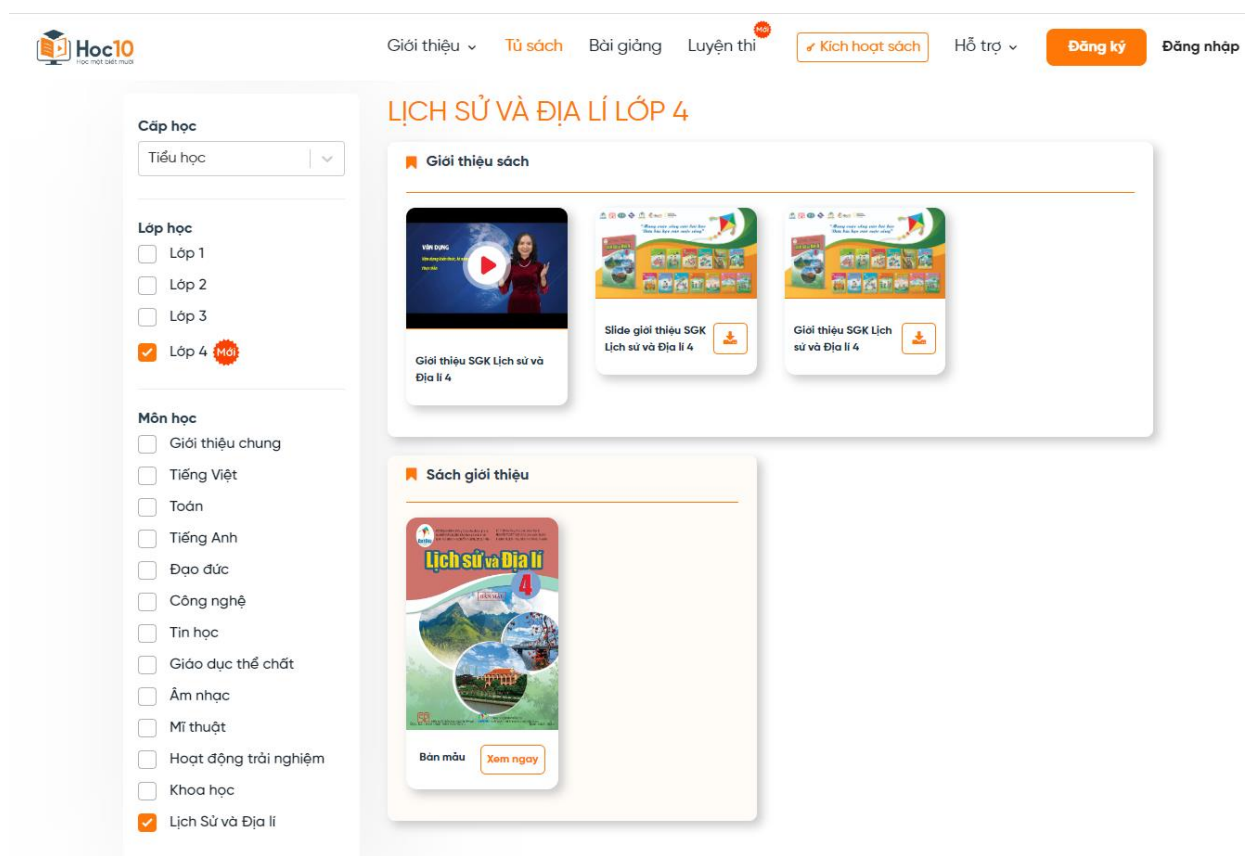
Phần 1. Câu hỏi và bài tập

Các câu hỏi và bài tập được sắp xếp theo các mạch nội dung, bài tương ứng trong sách giáo khoa, giúp học sinh và giáo viên thuận lợi trong quá trình tham khảo, thực hiện. Các câu hỏi và bài tập ở mỗi bài khá đa dạng từ câu hỏi trắc nghiệm khách quan như: câu có nhiều lựa chọn, ghép đôi, điền khuyết, câu “đúng – sai” đến câu hỏi tự luận. Học sinh thực hiện các câu hỏi và bài tập này không chỉ khắc sâu, hệ thống được kiến thức mà còn rèn luyện các kỹ năng và phát triển năng lực. Giáo viên có thể sử dụng các câu hỏi và bài tập trong cuốn sách này vào dạy nội dung khám phá, luyện tập, vận dụng hoặc đưa vào kiểm tra, đánh giá việc học tập của học sinh.

Phần 2. Đáp án và gợi ý trả lời

Bao gồm đáp án của các câu hỏi trắc nghiệm và gợi ý trả lời các câu hỏi tự luận. Phần này giúp học sinh có thể tự đánh giá được kiến thức, kỹ năng và năng lực của mình; hỗ trợ giáo viên trong việc chuẩn bị tổ chức dạy học, bên cạnh đó có thể giúp phụ huynh học sinh hướng dẫn các em trong quá trình học tập.

3. Nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử



Bên cạnh sách giấy (SGK, SGV, Sách bài tập), bộ sách Cánh Diều còn có phiên bản điện tử và nhiều học liệu điện tử sinh động đi kèm để hỗ trợ quá trình giảng dạy – học tập của GV và HS như sau:

- Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 4.
- Sách giáo viên Lịch sử và Địa lí 4.
- Sách bài tập Lịch sử và Địa lí 4.
- Tài liệu hỗ trợ tập huấn (phân phối chương trình, kế hoạch bài dạy, video minh họa tiết dạy tham khảo,...).



- Học liệu điện tử.
- Bài tập tương tác phục vụ kiểm tra, đánh giá,...

Các nguồn tài nguyên sách bổ trợ, sách tham khảo đi kèm SGK *Lịch sử và Địa lí 4* này cũng được biên soạn bám sát yêu cầu cần đạt của nội dung Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Các tài liệu này là phương tiện hỗ trợ hiệu quả cho GV trong việc biên soạn, thiết kế các phương án dạy học phù hợp, hướng đến rèn luyện năng lực, phẩm chất cho HS. GV, phụ huynh HS và HS cũng có thể tải các ebook, video clip tại kho tài liệu dạy học điện tử trên trang: <https://hoc10.vn/>



PHẦN V. KẾ HOẠCH BÀI DẠY THAM KHẢO

(Giáo viên thực hiện: Phùng Thị Hải Yến – Trường Tiểu học Dịch Vọng A, thành phố Hà Nội. Tiết học đã được thực hiện và đăng tải trên website

<https://hoc10.vn/>.

Quý thầy, cô giáo có thể tham khảo thêm.)

BÀI 13. PHỐ CỔ HỘI AN (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học, HS đạt được:

1. Năng lực

a) Năng lực lịch sử và địa lí

- Xác định được vị trí địa lí của phố cổ Hội An trên lược đồ.
- Mô tả được một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An, ví dụ: Nhà cổ, Hội quán của người Hoa, Chùa Cầu Nhật Bản,... có sử dụng tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...).
- Đề xuất được một số biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An.

b) Năng lực chung

- Tự chủ, tự học: Sưu tầm tranh ảnh, câu chuyện về phố cổ Hội An.
- Giao tiếp và hợp tác: Làm việc theo cặp, nhóm.

2. Phẩm chất

- Yêu nước: Yêu quê hương, tự hào về quê hương, đất nước.
- Chăm chỉ: Thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân và quê hương, đất nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Lược đồ hành chính thành phố Hội An, hình ảnh về các công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An.
- Tờ tiền 20 000 đồng.
- Phiếu học tập.



– Máy tính, máy chiếu.

TIẾT 1

1. Khởi động

a) Mục tiêu

- Kết nối được kiến thức thực tế với nội dung kiến thức mới trong bài.
- Tạo hứng thú cho HS

b) Cách tiến hành:

– GV: Giới thiệu tờ tiền 20 000 đồng với công trình ở mặt sau tờ tiền (dùng hình ảnh chiếu trên slide kết hợp dùng tiền thật) và nêu nhiệm vụ: Chúng ta sẽ cùng quan sát mặt sau tờ tiền 20 000 đồng và nêu bí mật gì ẩn giấu ở đó? (GV gợi ý: Công trình ở đâu? Công trình có điểm đặc biệt nào về kiến trúc?).

– HS thực hiện nhiệm vụ:

+ Đây là hình ảnh Chùa Cầu, thuộc phố cổ Hội An.

+ Chùa Cầu là biểu tượng của phố cổ Hội An.

+ Chùa và Cầu gắn liền với nhau.

– GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học: Trong số các con ở đây, ai đã từng đến Hội An nào? Đây là Chùa Cầu, công trình kiến trúc đặc sắc của phố cổ Hội An. Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau du lịch một vòng phố cổ Hội An. Để bắt đầu chuyến đi, chúng ta cần phải biết Hội An nằm ở đâu? Vậy, chúng ta cùng tìm hiểu vị trí địa lí của thành phố cổ Hội An.

2. Khám phá kiến thức

2.1. Vị trí địa lí

Hoạt động 1: Xác định vị trí địa lí của phố cổ Hội An

a) Mục tiêu: Xác định được vị trí địa lí của phố cổ Hội An trên lược đồ.

b) Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS đọc thầm mục 1 và quan sát hình 2 trang 76 để xác định vị trí của phố cổ Hội An trên lược đồ theo nhóm đôi thông qua trả lời qua hai câu hỏi sau:

+ Phố cổ Hội An nằm ở phường nào, tỉnh nào?

+ Phường đó tiếp giáp với các phường và dòng sông nào?

– HS thảo luận và lên chỉ lược đồ để trả lời câu hỏi.

Phố cổ Hội An nằm ở phường Minh An thuộc tỉnh Quảng Nam. Phường Minh An giáp với phường Sơn Phong, phường Cẩm Phô và sông Thu Bồn.

– GV nhận xét và tổng kết kiến thức: Phố cổ Hội An ở phường Minh An, giáp với phường Sơn Phong, phường Cẩm Phô và hạ lưu sông Thu Bồn, trong lòng thành phố Hội An thuộc tỉnh Quảng Nam ở miền Trung nước ta.

Hội An có vị trí địa lí thuận lợi nằm ven dòng sông Thu Bồn nên khoảng 400 năm trước, nơi đây từng là thương cảng sầm uất bậc nhất của Việt Nam thu hút nhiều thuyền buôn quốc tế đến từ Nhật Bản, Trung Quốc và phương Tây. Họ đến làm ăn và sinh sống tạo ra một phố thị đông đúc. Ngày nay, Hội An vẫn còn rất nhiều kiến trúc cổ như chùa chiền, đền miếu, hội quán có niên đại từ thế kỉ XVII – XVIII mang dấu tích người Hoa, người Nhật và người Pháp. Vì thế, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO) ghi danh đô thị cổ Hội An là một di sản văn hoá thế giới.

– GV hướng dẫn HS ghi bài: Phố cổ Hội An nằm ven dòng sông Thu Bồn, nay thuộc phường Minh An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

GV: Phố cổ Hội An có khoảng 1 130 di tích gồm nhà ở, chợ, đền miếu, đình chùa, hội quán, nhà thờ. Trong đó nổi bật nhất là những công trình như Nhà cổ Phùng Hưng, Hội quán Phúc Kiến và Chùa Cầu. Bây giờ chúng ta sẽ đi dạo một vòng và cùng thăm quan những công trình kiến trúc tiêu biểu tạo nên nét đặc trưng của phố cổ Hội An nhé.

2.2. Một số công trình kiến trúc tiêu biểu của phố cổ Hội An

Hoạt động 2: Mô tả một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An

a) *Mục tiêu:* Mô tả được một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An: Nhà cổ Phùng Hưng, Hội quán của người Hoa, Chùa Cầu Nhật Bản có sử dụng tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...).

b) *Cách tiến hành:*

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát tranh ảnh từ trang 77 đến trang 79 trong SGK, hoàn thành phiếu học tập 1 mô tả công trình kiến trúc tiêu biểu của phố cổ Hội An theo nhóm. (GV chuẩn bị thêm một số hình ảnh về 3 công trình kiến trúc: Nhà cổ Phùng Hưng, Hội quán Phúc Kiến, Chùa Cầu để HS dán vào phiếu).

- # MÔ TẢ CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC TIÊU BIỂU

- Lưu ý:** HS có thể đưa vào kênh chữ, kênh hình để mô tả các đặc điểm nổi bật khác.

STT	Tên công trình	Đặc điểm nổi bật về kiến trúc
1	Nhà cổ Phùng Hưng	Hai mắt cửa; trần gỗ uốn cong ở hiên tầng 2; mái nhà ở gian giữa có bốn hướng, vật liệu gỗ, ngói âm dương,...
2	Hội quán Phúc Kiến	Kiến trúc bề thế, trang trọng, chạm khắc tinh xảo, sống động, màu sắc sặc sỡ,...
3	Chùa Cầu	Bắc qua con lạch nhỏ; chùa và cầu gắn với nhau thành một thể thống nhất; ba hệ mái tương ứng với ba phần cầu,...

- ### 3. Luyện tập

a) *Mục tiêu:* Ôn tập và khái quát được nội dung kiến thức của tiết học.

b) *Cách tiến hành:*

– GV hướng dẫn HS đọc trang 79 trong SGK kể lại truyền thuyết về Chùa Cầu và trả lời câu hỏi: Tại sao Chùa Cầu được sử dụng làm biểu tượng của phố cổ Hội An?

– HS trả lời câu hỏi:

+ Chùa Cầu có kiến trúc độc đáo mang dấu ấn kiến trúc Nhật – Việt – Hoa.

+ Biểu tượng tín ngưỡng của người dân Hội An.

– GV giao nhiệm vụ để HS chuẩn bị cho tiết 2. HS hoàn thành phiếu giao việc.

PHIẾU GIAO VIỆC

Đọc thông tin trang 79 – 80 trong SGK kết hợp với việc tìm kiếm tư liệu trên sách báo và Internet, em hãy liệt kê:

1. Những biện pháp đã được thực hiện tốt trong công tác bảo tồn và phát huy di sản ở Hội An.

.....

2. Những vấn đề ảnh hưởng đến công tác bảo tồn và phát huy di sản ở Hội An.

.....

TIẾT 2

1. Khởi động

a) *Mục tiêu:* Kết nối kiến thức ở tiết 1 và tạo hứng thú học tập cho HS.

b) *Cách tiến hành:*

– GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi “Thử tài trí nhớ” với 3 câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn. Mỗi câu hỏi HS có suy nghĩ là 5 giây. Sau 5 giây, ai giơ tay nhanh nhất sẽ được trả lời.

– HS lần lượt trả lời câu hỏi.

Câu 1. Phố cổ Hội An thuộc tỉnh nào?

- A. Nghệ An. B. Quảng Nam.
C. Quảng Bình. D. Thừa Thiên Huế.

Câu 2. Công trình nào thuộc phố cổ Hội An? (4 ảnh chụp, có ghi tên công trình ở dưới mỗi ảnh).

- A. Cầu Rồng. B. Cầu Tràng Tiền.
C. Nhà cổ Phùng Hưng. D. Nhà cổ Đường Lâm.

Câu 3. Biểu tượng của thành phố Hội An là

- A. Nhà cổ Phùng Hưng. B. Hội quán Phúc Kiến.
C. Sông Thu Bồn. D. Chùa Cầu.

Đáp án: 1 – B. 2 – C. 3 – D.

2. Khám phá kiến thức

2.3. Một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An

Hoạt động 1. Đề xuất biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An

a) *Mục tiêu:* Đề xuất được một số biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An.

b) *Cách tiến hành:*

– GV hướng dẫn HS báo cáo nhiệm vụ đã được giao ở tiết trước.

– HS báo cáo sản phẩm:

PHIẾU GIAO VIỆC

Đọc thông tin trang 79 – 80 trong SGK kết hợp với việc tìm kiếm tư liệu trên sách báo và internet, em hãy liệt kê:

1. Những biện pháp đã được thực hiện tốt trong công tác bảo tồn và phát huy di sản ở Hội An.

+ Trùng tu di sản thường xuyên.

+ Xây dựng không gian xanh, hệ thống xử lý nước thải hiện đại.

+ Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cư dân, khách du lịch.

+ Tích cực tuyên truyền, quảng bá vẻ đẹp của phố cổ Hội An.

2. Những vấn đề ảnh hưởng công tác bảo tồn và phát huy di sản ở Hội An

+ Thiên tai, lũ lụt,...

+ Quá trình đô thị hoá.

– GV nhận xét, tổng kết kiến thức theo đáp án ở Phiếu giao việc và tuyên dương HS về sự chuẩn bị bài ở nhà.

– GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm lựa chọn một vấn đề ảnh hưởng đến công tác bảo tồn và phát huy di sản ở Hội An (thiên tai, lũ lụt; quá trình đô thị hoá,...) để đề xuất biện pháp khắc phục tương ứng. Mỗi nhóm có thể lựa chọn sản phẩm để thể hiện biện pháp.

Gợi ý: Thiết kế khẩu hiệu bảo vệ di sản/ du lịch văn minh; vẽ tranh tuyên truyền; thiết kế máy móc, hướng dẫn thăm quan,...

– Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm, HS có thể trưng bày sản phẩm theo kỹ thuật phòng tranh.

– GV nhận xét, tổng kết và tuyên dương các nhóm.

– GV hướng dẫn HS ghi bài. Một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị phố cổ Hội An là:

+ Trùng tu di sản thường xuyên.

+ Xây dựng không gian xanh.

+ Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

+ Tích cực tuyên truyền, quảng bá vẻ đẹp của phố cổ Hội An.

3. Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khái quát kiến thức bài học

b) Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS đọc SGK, phần Luyện tập trang 80 và tham gia “Ai nhanh hơn”.

– HS tham gia trò chơi theo thể lệ: Có 2 đội chơi, mỗi đội 6 bạn. GV in bộ thẻ từ khoá lên giấy. HS có thời gian 3 phút để dán bộ từ khoá vào bảng. Đội nhanh hơn sẽ là đội chiến thắng.

Bộ từ khoá:

Trùng tu di sản.

Bắc qua con lạch.

Hai mắt cửa.

Bảo vệ môi trường.

Màu sắc sặc sỡ.

Chạm khắc tinh xảo.

Mái nhà ở gian giữa có bốn hướng.

Tuyên truyền, quảng bá.

Chùa và cầu gắn với nhau.

Xây dựng không gian xanh.

Tên công trình	Nét độc đáo về kiến trúc	Biện pháp bảo tồn, phát huy
Nhà cổ Phùng Hưng		
Hội quán Phúc Kiến		
Chùa Cầu		

– GV công bố đội thắng cuộc và tổng kết:

Tên công trình	Nét độc đáo về kiến trúc	Biện pháp bảo tồn, phát huy
Nhà cổ Phùng Hưng	– Hai mắt cửa. – Mái nhà ở gian giữa có bốn hướng.	– Trùng tu di sản. – Xây dựng không gian xanh.
Hội quán Phúc Kiến	– Màu sắc sặc sỡ. – Chạm khắc tinh xảo.	– Bảo vệ môi trường. – Tuyên truyền, quảng bá.

Chùa Cầu	– Chùa và cầu gắn với nhau. – Bắc qua con lạch.	
----------	--	--

4. Vận dụng

a) *Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giới thiệu và thiết kế được sản phẩm về Hội An

b) *Cách tiến hành:*

– GV hướng dẫn HS đọc SGK phần Vận dụng, trang 80 lựa chọn và hoàn thành một trong 2 nhiệm vụ:

+ Suru tầm tư liệu và giới thiệu về một công trình kiến trúc nổi tiếng của Hội An mà em yêu thích.

+ Thiết kế “Sổ tay hướng dẫn du lịch văn minh ở phố cổ Hội An” dành cho học sinh, trong đó có các lưu ý về giữ gìn môi trường và bảo vệ di sản.

GV gợi ý chi tiết để HS thực hiện nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 1: HS sưu tầm và giới thiệu theo các ý: tên công trình, thời gian xây dựng, đặc điểm nổi bật, hiện trạng. Khuyến khích HS lựa chọn một công trình mà HS yêu thích để sưu tầm và giới thiệu, có thể là công trình chưa được trình bày trong SGK.

Nhiệm vụ 2: Mục đích làm sổ tay hướng dẫn du lịch để khách tham quan biết công trình nổi tiếng ở Hội An, biết về lễ hội, phong tục, tập quán của người dân, về giao thông, món ăn, thời tiết.

Hướng dẫn việc nên làm và không nên làm khi đến Hội An phù hợp với lứa tuổi của HS khi tham quan phố cổ Hội An có nội dung liên quan đến giữ gìn môi trường và bảo vệ di sản.

+ Các hoạt động **nên** làm như: Tuân thủ nội quy và hướng dẫn thăm quan tại các di tích; ứng xử văn minh, bảo vệ môi trường; ưu tiên sử dụng phương tiện thân thiện khi thăm phố cổ: xích lô, đi bộ,...

+ Các hoạt động **không nên** làm: chen lấn, xô đẩy, gây ồn ào; vứt rác bừa bãi,... Khuyến khích HS trình bày sản phẩm sáng tạo mang dấu ấn cá nhân.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)